

CHUYÊN ĐỀ 3: DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

(10 tiết)

I. MỤC TIÊU CHUYÊN ĐỀ

1. Kiến thức

Sau chuyên đề này, HS sẽ:

- Giải thích được khái niệm danh nhân và nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng, danh nhân quân sự, danh nhân văn hóa, danh nhân trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam.
- Nêu được nhận xét về những đóng góp và đánh giá được vai trò của danh nhân trong lịch sử Việt Nam.
- Có ý thức trân trọng những đóng góp của các danh nhân tiêu biểu trên các lĩnh vực trong lịch sử dân tộc.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Tự chủ, tự học:* thông qua việc sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ học tập một cách chủ động.
- *Giao tiếp và hợp tác:* thông qua việc hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận để giải quyết các nhiệm vụ học tập về danh nhân trong lịch sử Việt Nam.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* thông qua việc sử dụng các phương pháp học tập tích cực để giải quyết các nhiệm vụ học tập của chuyên đề.

Năng lực riêng:

- *Tìm hiểu lịch sử:* thông qua việc sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng, danh nhân quân sự, danh nhân văn hóa, danh nhân trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam.
- *Nhận thức và tư duy lịch sử:* thông qua việc giải thích được khái niệm danh nhân và nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc; nhận xét về những đóng góp và đánh giá được vai trò của danh nhân trong lịch sử Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Kính trọng, tự hào, biết ơn và có ý thức trân trọng những đóng góp của các danh nhân tiêu biểu trên các lĩnh vực trong lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV Chuyên đề học tập Lịch sử 11, Giáo án.
- Tranh, ảnh, tư liệu có liên quan đến nội dung *Danh nhân trong lịch sử Việt Nam*.
- Phiếu học tập.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK Chuyên đề học tập Lịch sử 11.
- Tranh ảnh, tư liệu về *Danh nhân trong lịch sử Việt Nam*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Tạo sự hứng thú, kích thích HS muốn khám phá về danh nhân trong lịch sử Việt Nam.

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS đọc đoạn tư liệu trong bài kí do Trần Nhân Trung soạn khắc trên tấm bia Tiến sĩ đầu tiên dựng năm 1482 tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

- Đoạn tư liệu gợi cho em suy nghĩ gì về vai trò của những bậc hiền tài trong lịch sử dân tộc?
- Hãy chia sẻ hiểu biết của em về một số người nổi tiếng, có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

c. Sản phẩm:

- HS nêu suy nghĩ về vai trò của các bậc hiền tài trong lịch sử dân tộc.
- HS trình bày hiểu biết về một số người nổi tiếng, có đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu và đọc cho HS đọc tư liệu trong bài kí do Trần Nhân Trung soạn khắc trên tấm bia Tiến sĩ đầu tiên dựng năm 1482 tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám:

“Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và càng lớn lao, nguyên khí suy thì thể nước yếu mà càng xuống thấp...”

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:
 - + Đoạn tư liệu gợi cho em suy nghĩ gì về vai trò của những bậc hiền tài trong lịch sử dân tộc?
 - + Hãy chia sẻ hiểu biết của em về một số người nổi tiếng, có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



Bia Tiến sĩ dựng tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc đoạn tư liệu, vận dụng hiểu biết của bản thân và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện một số HS xung phong trình bày suy nghĩ về vai trò của những bậc hiền tài trong lịch sử dân tộc và hiểu biết về một số người nổi tiếng, có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận:
 - + Vai trò của những bậc hiền tài trong lịch sử dân tộc:
 - Giữa hiền tài và vận mệnh đất nước có mối quan hệ khăng khít, bền chặt. Các bậc hiền tài có vai trò quyết định đến sự thịnh – suy của một đất nước. Họ không những họ đóng vai trò quyết định trong công cuộc chống giặc ngoại xâm, giữ yên bề cõi mà còn có đóng góp rất lớn về mặt giáo dục, kinh tế, ngoại giao, văn hóa thuật... Mỗi một hiền nhân đều là một vì sao sáng chói về đạo đức và tài năng.
 - Câu nói “Hiền tài là nguyên khí quốc gia” của Thân Nhân Trung không chỉ dừng lại ở xã hội thời Lê mà vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay, khi giáo dục đang trở thành quốc sách hàng đầu, khi

văn hoá, khoa học và đội ngũ trí thức đang giữ một vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp kiến quốc đất nước.

+ Một số người nổi tiếng, có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Quang Trung – Nguyễn Huệ, Tuệ Tĩnh, Lê Quý Đôn, ...

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Lịch sử dựng nước và giữ nước, xây dựng và phát triển đất nước mấy nghìn năm của dân tộc đã sản sinh ra không biết bao nhiêu danh nhân. Họ chính là những hiền tài góp sức mình vào công cuộc xây dựng, bảo vệ nền độc lập và phục hưng quốc gia dân tộc. Chuyên đề này sẽ giúp các em tìm hiểu các danh nhân, hiểu và trân trọng những đóng góp của họ đối với lịch sử dân tộc Việt Nam. Chúng ta cùng vào **Chuyên đề 3 – Danh nhân trong lịch sử Việt Nam**.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 1: KHÁI QUÁT VỀ DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

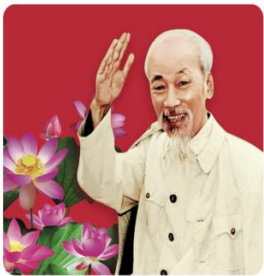
Hoạt động 1.1. Tìm hiểu về khái niệm danh nhân

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu về khái niệm danh nhân.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác Hình 2, mục *Em có biết*, thông tin mục I.1 SGK tr.47, 48 và trả lời câu hỏi: *Giải thích khái niệm danh nhân*.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm danh nhân và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Có nhiều khái niệm về danh nhân khác nhau, chúng ta sẽ tìm hiểu khái niệm chung, cơ bản và bao quát về danh nhân.</i> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin mục I.1 SGK tr.47 và trả lời câu hỏi: <i>Giải thích khái niệm danh nhân.</i> - GV tiếp tục dẫn dắt: <i>Danh nhân có thể là những nhà chính trị, nhà quân sự, nhà văn hóa, nhà khoa học, ...tùy theo lĩnh vực hoạt động của họ. Trong lịch sử Việt Nam, có nhiều nhân vật nổi tiếng được tôn vinh là danh nhân.</i> - GV mở rộng kiến thức, cho HS liên hệ và trả lời câu hỏi: + <i>Em hãy kể tên một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam mà em biết.</i> + <i>Trình bày một số hiểu biết về một danh nhân cụ thể.</i> - GV cung cấp thêm cho HS hình ảnh, video về một số danh nhân trong lịch sử dân tộc (<i>Đính kèm phía dưới Hoạt động 1</i>). - GV hướng dẫn HS khai thác Hình 2, đọc mục <i>Em có biết</i> SGK tr.48 để hiểu rõ hơn về sự kiện Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  Hình 2. Chủ tịch Hồ Chí Minh  Nghị quyết số 24C/18.65 năm 1987 của UNESCO về Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam”.	I. Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc 1. Khái niệm danh nhân Danh nhân là người nổi tiếng, có công hiến nổi bật, có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng và được xã hội ghi nhận.
Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS khai thác thông tin trong mục, tư liệu do GV cung cấp và trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).	

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS giải thích khái niệm danh nhân.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận về khái niệm danh nhân.
- GV chuyển sang nội dung mới.

Trả lời câu hỏi liên hệ, mở rộng:

Lịch sử dân tộc có nhiều nhân vật lịch sử, kiệt xuất. Tất cả 14 nhân vật kiệt xuất trong lịch sử dựng nước và giữ nước đã đi vào lòng dân tộc, được nhân dân tôn kính, thờ phụng ở rất nhiều nơi.



Huyền thoại Quốc Tổ Hùng Vương



Hai Bà Trưng



Lý Nam Đế



Ngô Quyền



Đinh Bộ Lĩnh



Lê Hoàn



Lý Công Uẩn



Lý Thường Kiệt



Trần Nhân Tông



Trần Hưng Đạo



Lê Lợi



Nguyễn Trãi



Nguyễn Huệ



Chủ tịch Hồ Chí Minh

https://www.youtube.com/results?search_query=hai+b%C3%A0+tr%C6%B0ng

<https://www.youtube.com/watch?v=BvCEokUxj3E>

<https://www.youtube.com/watch?v=-oonZoAk57s>

<https://www.youtube.com/watch?v=r9jfNDdzAQ4>

<https://www.youtube.com/watch?v=jEcMA9fFQ4w>

<https://www.youtube.com/watch?v=-234M2tlpKQ>

(GV cho HS xem video tùy thời gian và thực tế giảng dạy tại lớp học)

Ví dụ cụ thể: Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, vị anh hùng dân tộc gắn liền với ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông – Nguyên, để lại một dấu son chói lọi trong lịch giữ nước của dân tộc Việt Nam và mang tầm thời đại ở thế kỉ XIII. Lịch sử vốn khách quan, lòng dân là công tâm nhất. Không ai có thể phong “thánh” cho ai, mà “thánh” xuất phát từ lòng dân, sống mãi trong lòng dân. Vì vậy mà dân gian có câu “Thương dân, dân lập đền thờ”.

Hoạt động 1.2. Tìm hiểu về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu về khái niệm danh nhân.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác Bảng 1 SGK tr.48 và trả lời câu hỏi: *Nêu những nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Lấy ví dụ cụ thể.*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Trong lịch sử Việt Nam, danh nhân có vai trò quan trọng ở nhiều lĩnh vực.</i> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác Bảng 1 SGK tr.48 và trả lời câu hỏi: <i>Nêu những nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Lấy ví dụ cụ thể.</i>	2. Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc - Khởi xướng, tập hợp, lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ và giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. <i>Ví dụ: Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê</i>

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, liên hệ vận dụng và trả lời câu hỏi: <i>Lựa chọn một danh nhân mà em biết và nêu vai trò của họ đối với lịch sử.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS khai thác thông tin trong mục kết hợp sưu tầm thêm tư liệu trên sách, báo, internet, trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thực hiện (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 nêu vai trò của danh nhân đối với lịch sử dân tộc. - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi mở rộng, nêu vai trò của danh nhân mà em biết với lịch sử dân tộc (<i>Đính kèm phía dưới Hoạt động 2</i>). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc: <i>Trong suốt chiều dài lịch sử, danh nhân có vai trò quan trọng trong sự nghiệp giành và giữ độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước.</i> - GV chuyển sang nội dung mới.	Lợi, Nguyễn Huệ, Võ Nguyên Giáp,... - Đứng đầu các vương triều, chính quyền; đề ra đường lối, chính sách, lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước. <i>Ví dụ:</i> Đinh Bộ Lĩnh, Lý Thái Tổ, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông, Hồ Chí Minh,... - Có nhiều đóng góp về văn hóa, giáo dục, tạo ra những phát minh, sáng chế, sáng lập các trường phái tư tưởng,...góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật nước nhà. <i>Ví dụ:</i> Trần Nhân Tông, Lê Văn Hưu, Chu Văn An, Tuệ Tĩnh, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương.
<u>Trả lời câu hỏi liên hệ, vận dụng (ví dụ cụ thể)</u> LÝ THƯỜNG KIỆT (1019 – 1105) Tài năng, phẩm chất của Lý Thường Kiệt <i>Tài năng quân sự, khả năng lãnh đạo tài ba</i> Lý Thường Kiệt là nhà tướng tài ba của lịch sử Việt Nam với khả năng lãnh đạo xuất sắc và tài năng quân sự vượt trội. Ông có khả năng định hướng chiến lược, tạo ra những phương án tấn công và phòng thủ hiệu quả và giỏi sử dụng địa hình, lợi dụng điểm yếu của địch để tạo ra sự vượt trội trong chiến đấu. Ngoài ra, ông còn là một lãnh đạo kiên trì, quyết tâm, đức hạnh, nhân từ, luôn tôn trọng giá trị của sự sống và trân trọng mạng sống của binh lính dưới quyền chỉ huy của mình. Với tài năng và phẩm chất vĩ đại đó, Lý Thường Kiệt đã thành công trong nhiều cuộc chiến và để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử Việt Nam, trở thành một tấm gương lãnh đạo xuất sắc để được người sau này học tập và gương mẫu để tôn vinh. <i>Tinh thần kiên trung, sức chịu đựng trong đấu tranh vì dân tộc</i> Lý Thường Kiệt được biết đến với tinh thần kiên trung và sức chịu đựng trong đấu tranh vì dân tộc. Ông đã không ngừng đấu tranh để bảo vệ đất nước, giữ gìn chủ quyền và độc lập của dân tộc. Những cuộc chiến của ông đều được dẫn dắt bằng sự tận tụy, sự hy sinh và sự quyết tâm không ngừng nghỉ. Ngay cả khi đối mặt với những tình huống nguy hiểm nhất, ông vẫn luôn kiên cường và không chùn bước, không sợ hy sinh mạng sống của mình để bảo vệ tinh thần đoàn kết của dân tộc. Tinh thần kiên trung và sức chịu đựng của Lý Thường Kiệt đã giúp ông giành được nhiều chiến thắng quan trọng trong lịch sử Việt Nam và để lại di sản vô giá cho thế hệ sau.	



Khu di tích đền thờ Lý Thường Kiệt (Tam Giang, Yên Phong), tỉnh Bắc Ninh
Tinh thần liêm chính, vì lợi ích chung của đất nước

Tinh thần liêm chính và vì lợi ích chung của đất nước là một trong những phẩm chất vĩ đại của Lý Thường Kiệt. Ông luôn tôn trọng đạo đức và luật pháp, không bao giờ vi phạm nguyên tắc và luôn đặt lợi ích của đất nước lên hàng đầu. Bằng sự liêm chính và tôn trọng đạo đức, ông đã giành được lòng tin của dân chúng và tạo ra sự đoàn kết trong quân đội. Ông không bao giờ chấp nhận bất kỳ thỏa hiệp nào khi đối đầu với kẻ thù và luôn giữ vững nguyên tắc của mình, đó là bảo vệ lợi ích chung của đất nước. Tinh thần liêm chính và vì lợi ích chung của đất nước của Lý Thường Kiệt đã trở thành một tấm gương lấy làm gương để học tập và theo đuổi trong cuộc sống, đặc biệt đối với những người trong lĩnh vực lãnh đạo và quản lý.

Vai trò của Lý Thường Kiệt trong lịch sử Việt Nam

Lý Thường Kiệt là nhân vật lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Ông đã có nhiều đóng góp to lớn cho sự phát triển và bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước. Với tài năng quân sự và tài ba lãnh đạo, ông đã giành được nhiều chiến thắng quan trọng trên chiến trường, đóng góp vào việc bảo vệ đất nước và giữ gìn sự an ninh, trật tự của đất nước.

Ông cũng được coi là một trong những nhà ngoại giao tài ba nhất của lịch sử Việt Nam. Ông đã có những đóng góp đáng kể trong việc ngoại giao, xây dựng và tăng cường mối quan hệ với các nước láng giềng cũng như các quốc gia khác trên thế giới. Ông cũng đã đưa ra những chính sách kinh tế và xã hội phù hợp với thời đại, giúp đất nước phát triển và thịnh vượng hơn.



*Tem thư kỷ niệm 1000 năm sinh
 Lý Thường Kiệt*

Với tài năng, phẩm chất và những đóng góp to lớn của mình, Lý Thường Kiệt đã để lại di sản vô giá cho lịch sử Việt Nam và trở thành một người anh hùng được người dân yêu mến, tôn vinh.

HOẠT ĐỘNG 2: MỘT SỐ NHÀ CHÍNH TRỊ NỔI TIẾNG CỦA VIỆT NAM THỜI KÌ TRUNG ĐẠI

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS trình bày được thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá được những đóng góp của một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời kì trung đại đối với dân tộc.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc theo 4 nhóm, khai thác Hình 3, 4, tư liệu, mục Em có biết, thông tin mục II.1, II.2 SGK tr.48 – 50 và hoàn thành *Phiếu học tập số 1, 2: Trình bày về thân thế, sự nghiệp,*

nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam trong lịch sử dân tộc (Đình Bộ Lĩnh, Lê Thánh Tông).

c. Sản phẩm: *Phiếu học tập số 1, 2* của các nhóm về thân thế, sự nghiệp, nhận xét, đánh giá về những đóng góp của một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam trong lịch sử dân tộc và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ). - GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm như sau: + Nhóm 1, 3: Khai thác Hình 3, tư liệu, mục Góc mở rộng, thông tin mục II.1 SGK tr.48, 49 và hoàn thành Phiếu học tập số 1.  Hình 3. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng tại Hoa Lư (Ninh Bình)	II. Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời kì trung đại 1. Đinh Bộ Lĩnh (924 – 979) Kết quả <i>Phiếu học tập số 1</i> đính kèm bên dưới <i>Hoạt động 2</i>. 2. Lê Thánh Tông (1442 – 1497) Kết quả <i>Phiếu học tập số 2</i> đính kèm bên dưới <i>Hoạt động 2</i>.
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 DANH NHÂN ĐÌNH BỘ LĨNH (924 – 979) 1. Thân thế của Đinh Bộ Lĩnh 2. Nêu hoạt động/đóng góp của Đinh Bộ Lĩnh 3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Đinh Bộ Lĩnh đối với lịch sử dân tộc 4. Việc các địa phương lập đền thờ, đặt tên đường phố, trường học mang tên Đinh Bộ Lĩnh – Đinh Tiên Hoàng nói lên điều gì? 	

+ **Nhóm 2, 4:** Khai thác Hình 4, tư liệu, mục *Em có biết*, thông tin mục II.2 SGK tr.49, 50 và hoàn thành *Phiếu học tập số 2*.



Hình 4. Nhà bia tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

DANH NHÂN LÊ THÁNH TÔNG (1442 – 1497)

1. Thân thế của Lê Thánh Tông

.....
.....

2. Nêu hoạt động/đóng góp của Lê Thánh Tông

.....
.....

3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Lê Thánh Tông đối với lịch sử dân tộc

.....
.....

- GV cung cấp cho các nhóm tư liệu về một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời kì trung đại (*Đính kèm phía dưới Hoạt động 2*).

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khai tư liệu trong mục kết hợp thông tin do GV cung cấp và hoàn thành *Phiếu học tập số 1, 2*.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận, trình bày về thân thế, sự nghiệp, nhận xét, đánh giá về những đóng góp của Đinh Bộ Lĩnh, Lê Thánh Tông trong lịch sử dân tộc theo *Phiếu học tập số 1, số 2*.

- GV yêu cầu các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến cho nhóm bạn (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và hoàn chỉnh *Phiếu học tập số 1, 2*.

- GV kết luận:

+ *Đinh Bộ Lĩnh, Lê Thánh Tông là các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc. Đây là những vị minh quân, quan lại tài đức*

thời quân chủ có đóng góp lớn trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đưa đất nước phát triển lên một tầm cao mới.
+ Ngày nay, rất nhiều tỉnh, thành của Việt Nam có đường, phố, trường học, đền thờ, tượng đài, khu di tích lịch sử mang tên Đinh Tiên Hoàng, Lê Thánh Tông, nhằm tôn vinh, tưởng nhớ các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.
- GV chuyển sang nội dung mới.

TƯ LIỆU VỀ MỘT SỐ NHÀ CHÍNH TRỊ NỔI TIẾNG CỦA VIỆT NAM THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

1. Đinh Bộ Lĩnh

Theo Đại Việt sử ký toàn thư, ngay khi lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng đã “đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, dời kinh đô về động Hoa Lư, bắt đầu dựng đô mới, đắp thành đào hào, xây cung điện, đặt triều nghi. Bấy tôi dâng tôn là Đại Thắng Minh Hoàng đế”. Hai năm sau (970), vua đổi niên hiệu là Thái Bình. Việc đổi xưng là hoàng đế, đổi tên nước thành Đại Cồ Việt và đặt niên hiệu được cho là ba việc làm khẳng định sự độc lập của nước Việt Nam thời bấy giờ mà trước đó không có hoặc hiếm có vị vua nào làm được.

Nhận xét về Đinh Tiên Hoàng, sử gia Lê Văn Hưu viết trong Đại Việt sử ký toàn thư: “Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dùng cảm mưu lược nhất đời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ, một phen cất quân mà mười hai sứ quân phục hết. Vua mở nước dựng đô, đổi xưng hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ gần đầy đủ, có lẽ ý trời vì nước Việt ta mà lại sinh bậc thánh triết để tiếp nối quốc thống của Triệu Vương chăng?”,

Sử gia Lê Tung viết trong Việt giám thông khảo tổng luận: “Vua chính thống của nước Việt ta, thực bắt đầu từ đây”.



Tranh minh họa Đinh Bộ Lĩnh
hồi còn nhỏ



Tranh minh họa “Đinh Tiên Hoàng
cờ lau tập trận”



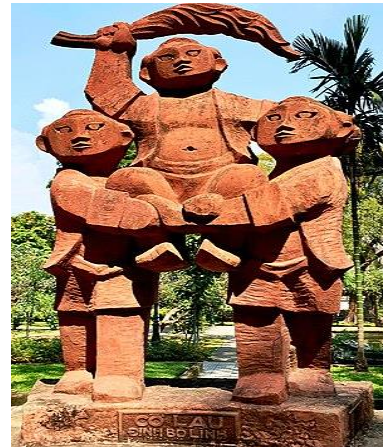
*Tượng Đinh Tiên Hoàng
ở Hoa Lư, Ninh Bình*



*Tượng đài vua Đinh Tiên Hoàng (thành phố
Ninh Bình, Ninh Bình)*



*Lăng mộ vua Đinh Tiên Hoàng
(Đình núi Mã Yên, Hoa Lư, Ninh Bình)*



*Tượng đài cờ lau Đinh Bộ Lĩnh ở
Công viên Tao Đàn, TP. Hồ Chí Minh*

<https://www.youtube.com/watch?v=HBB-YDTUkUQ>

<https://www.youtube.com/watch?v=vUyoB-WJbW8>

2. Lê Thánh Tông

Sử gia Vũ Quỳnh viết: “Vua tư trời cao siêu, anh minh, quyết đoán, có hùng tài, đại lược, võ giời văn hay mà cái học của thánh hiền lại đặc biệt siêng năng, tay không lúc nào rời quyển sách. Các tập kinh, sử, các sách lịch, toán, những việc thánh thần, không có gì không bao quát, tình thông.... Người hiền tài chọn được nhiều hơn cả đời xưa. Văn võ đều dùng, tùy theo sở trường của từng người. Vì thế có thể sửa dựng chính sự, chế tác lễ nhạc, hiệu lệnh văn chương rõ ràng, có thể cho người sau noi theo”.

Đại Việt dưới thời trị vì của Lê Thánh Tông (1460 – 1497) là thời kì hoàng kim của đất nước; dân trí được mở mang, dân khí chấn hưng, thuần phong mỹ tục nở rộ. Trong nhiều di sản của vua Lê Thánh Tông để lại cho hậu thế, phải kể đến chủ trương: “Vội dân, mọi việc lợi nên làm, mọi mối hại nên bỏ”; trong đó, ông luôn nhắc dạy các quan lại dưới quyền rằng họ phải có nhiệm vụ: làm cho dân cường, làm cho dân giàu, làm cho dân biết lễ nghĩa, làm cho dân tin; chính chủ trương này đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng đất nước Đại Việt thái bình, vinh quang và kiêu hãnh nhất. Để ngăn ngừa tham nhũng, lạm dụng chức quyền, vua đặt ra 5 điều cấm đối với

quan lại; cấm lấy vợ là người địa phương nơi trị nhậm; cấm kết làm thông gia, tậu ruộng tại địa phương nơi trị nhậm; cấm lấy người địa phương làm cấp phó cho mình; cấm cha con, chú cháu, anh em đồng thời làm quan ở xã, cùng cơ quan; cấm đưa quan về trị nhậm tại bản quán. Đánh giá về vua Lê Thánh Tông, Đại Việt Sử ký toàn thư ghi nhận: “Triệu dân vô yên, trăm việc chấn chỉnh, văn giáo rộng ban, vũ công đại định”.



*Bức phù điêu vua Lê Thánh Tông –
Bảo tàng Đà Nẵng.*



*Tượng vua Lê Thánh Tông –
Bảo tàng Văn học Việt Nam*

<https://www.youtube.com/watch?v=vx9U26nPMnw&t=47s>

<https://www.youtube.com/watch?v=0c--jKc9No>

KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

DANH NHÂN ĐÌNH BỘ LĨNH (924 – 979)

1. Thân thế của Đình Bộ Lĩnh

- Đình Bộ Lĩnh quê ở thôn Kim Lự, làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).
- Cha của ông là Đình Công Trứ - nha tướng của Dương Đình Nghệ, giữ chức Thứ sử Hoan Châu.

2. Nêu hoạt động/đóng góp của Đình Bộ Lĩnh

- Dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước.

Năm 944, Ngô Quyền mất, các thế lực hào trưởng địa phương nổi dậy khắp nơi, đất nước lâm vào tình trạng phân tán, cát cứ.

→ Được sự ủng hộ của nhân dân và sự vận dụng khôn khéo kế sách chính trị, quân sự, Đình Bộ Lĩnh lần thu phục, đánh dẹp các sứ quân, thống nhất đất nước.

- Sáng lập nhà Đinh, củng cố chính quyền, phát triển đất nước.

- Năm 968, Đình Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đặt tên nước là Đại Cồ Việt, lấy niên hiệu là Thái Bình, đóng đô tại Hoa Lư (Ninh Bình).

- Sau khi lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng ban hành nhiều chính sách củng cố chính quyền và phát triển đất nước.

3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Đình Bộ Lĩnh đối với lịch sử dân tộc

- Chấm dứt tình trạng phân tán, cát cứ để thống nhất đất nước.
- Xung đế, đặt quốc hiệu, dựng kinh đô, định niên hiệu, khẳng định nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Cồ Việt.
- Xây dựng một mô hình nhà nước với thiết chế mới: quân chủ trung ương tập quyền - nhà nước quân chủ trung ương tập quyền đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.
- Trở thành vị hoàng đế đầu tiên của Việt Nam sau thời kì Bắc thuộc kéo dài.

4. Việc các địa phương lập đền thờ, đặt tên đường phố, trường học mang tên Đinh Bộ Lĩnh – Đinh Tiên Hoàng nói lên điều gì?

Ngày nay, rất nhiều tỉnh, thành của Việt Nam có đường, trường học mang tên Đinh Tiên Hoàng. Nhiều đền thờ, tượng đài vua Đinh cũng được dựng nhằm tôn vinh, tưởng nhớ hoàng đế đầu tiên của nhà nước Đại Cồ Việt.

KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

DANH NHÂN LÊ THÁNH TÔNG (1442 – 1497)

1. Thân thế của Lê Thánh Tông

Lê Thánh Tông là cháu của vua Lê Thái Tổ, con thứ tư của vua Lê Thánh Tông. Ông lên ngôi năm 1460 khi 18 tuổi, đặt niên hiệu là Quang Thuận, năm 1470 đổi niên hiệu là Hồng Đức.

2. Nêu hoạt động/đóng góp của Lê Thánh Tông

- *Nhà cải cách lớn thời Lê sơ:*

- + Trong 38 năm trị vì, Lê Thánh Tông đã từng bước đưa triều Lê sơ phát triển tới đỉnh cao, đặc biệt là cuộc cải cách, tổ chức lại bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương.
- + Năm 1483, Lê Thánh Tông cho ban hành bộ Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức). → Thành tựu lập pháp quan trọng của Đại Việt thời Lê sơ.
- + Mở rộng bờ cõi Đại Việt, ban hành nhiều chính sách tích cực: quân điền, đẩy mạnh khai khẩn đất hoang, lập đồn điền,...

- *Nhà văn hóa lớn:*

- + Giáo dục khoa cử được quan tâm đặc biệt. Quốc Tử Giám được mở rộng. Các kì thi Hương, thi Hội, thi Đình được quy định chặt chẽ và tổ chức đều đặn.
- + Là nhà thơ lớn. Ông và các văn thần đã để lại nhiều tác phẩm thơ ca có giá trị, tiêu biểu như Hồng Đức quốc âm thi tập, Quỳnh uyển cửu ca, Minh lương cầm tú, Văn minh cổ xúy, Cổ tâm bách vịnh,....

3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Lê Thánh Tông đối với lịch sử dân tộc

- Ông được đánh giá là vị vua “cải cách”.
- Trong 38 năm trị vì, vua Lê Thánh Tông đã ban hành nhiều chính sách nhằm hoàn thiện bộ máy nhà nước, hành chính, kinh tế, giáo dục, khoa cử, luật pháp. Đại Việt dưới thời trị vì của vua Lê Thánh Tông là thời kì phát triển thịnh trị của đất nước thời quân chủ.

HOẠT ĐỘNG 3: MỘT SỐ DANH NHÂN QUÂN SỰ VIỆT NAM

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS trình bày được thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá được những đóng góp của một số danh nhân quân sự Việt Nam đối với lịch sử dân tộc.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận 4 nhóm, khai thác Hình 5 – Hình 8, tư liệu, mục *Em có biết*, thông tin mục III SGK tr.51 – 55 và hoàn thành Phiếu học tập số 3, 4, 5, 6: *Trình bày về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân quân sự Việt Nam.*

c. Sản phẩm: *Phiếu học tập số 3, 4, 5, 6 của các nhóm về thân thế, sự nghiệp, nhận xét, đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân quân sự Việt Nam và chuẩn kiến thức của GV.*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm. - GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm như sau: + Nhóm 1: Khai thác Hình 5, tư liệu, thông tin mục III.1 SGK tr.51 và hoàn thành Phiếu học tập số 3. Hình 5. Đền thờ Ngô Quyền tại thôn Đường Lâm (Ba Vì, Hà Nội) PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 DANH NHÂN NGÔ QUYỀN 1. Thân thế của Ngô Quyền 2. Nêu hoạt động/dóng góp của Ngô Quyền 3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Ngô Quyền đối với lịch sử dân tộc + Nhóm 2: Khai thác Hình 6, tư liệu, mục <i>Em có biết</i>, thông tin mục III.2 SGK tr.52, 53 và hoàn thành Phiếu học tập số 3.	III. Một số danh nhân quân sự Việt Nam 1. Ngô Quyền (898 – 944) Kết quả <i>Phiếu học tập số 3</i> đính kèm phía dưới <i>Hoạt động 3</i>. 2. Trần Quốc Tuấn (1228 – 1300) Kết quả <i>Phiếu học tập số 4</i> đính kèm phía dưới <i>Hoạt động 3</i>. 3. Nguyễn Huệ (1753 – 1792) Kết quả <i>Phiếu học tập số 5</i> đính kèm phía dưới <i>Hoạt động 3</i>. 4. Võ Nguyên Giáp (1911 – 2013) Kết quả <i>Phiếu học tập số 6</i> đính kèm phía dưới <i>Hoạt động 3</i>.



Hình 6. Tượng đài Quốc công Tiết chế
Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn (Nam Định)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

DANH NHÂN TRẦN QUỐC TUẤN

1. Thân thế của Trần Quốc Tuấn

.....

2. Nêu hoạt động/đóng góp của Trần Quốc Tuấn

.....

3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Trần Quốc Tuấn đối với lịch sử dân tộc

.....

+ **Nhóm 3:** Khai thác Hình 7, mục Em có biết, thông tin mục III.3 SGK tr.53, 54 và hoàn thành Phiếu học tập số 4.



Hình 7. Tượng đài Quang Trung — Nguyễn Huệ
tại Di tích Quốc gia Đặc biệt Gò Đống Đa (Hà Nội)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

DANH NHÂN NGUYỄN HUỆ

1. Thân thế của Nguyễn Huệ

.....

2. Nêu hoạt động/đóng góp của Nguyễn Huệ

.....

3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Nguyễn Huệ đối với lịch sử dân tộc

.....

+ **Nhóm 4:** Khai thác Hình 8, mục Góc mở rộng, thông tin mục III.4 SGK tr.54 và hoàn thành Phiếu học tập số 4.



Hình 8. Đại tướng Võ Nguyên Giáp

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

DANH NHÂN VÕ NGUYÊN GIÁP

1. Thân thể của Võ Nguyên Giáp

.....
.....

2. Nêu hoạt động/đóng góp của Võ Nguyên Giáp

.....
.....

3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Võ Nguyên Giáp đối với lịch sử dân tộc

.....
.....

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khai thác thông tin trong mục, tư liệu do GV cung cấp và hoàn thành Phiếu học tập của nhóm.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 4 nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận, trình bày về thân thể, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân quân sự Việt Nam theo *Phiếu học tập số 3, 4, 5, 6*.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá và hoàn chỉnh Phiếu học tập số 3, 4, 5, 6.
- GV chuyển sang nội dung mới.

TƯ LIỆU VỀ MỘT SỐ DANH NHÂN QUÂN SỰ VIỆT NAM

1. Ngô Quyền

Vua Tiền Ngô dẹp quân Hán, khôi phục nước nhà; đất đai thu được, phía bắc giáp Lương Quảng, phía nam đến Đại Lý tất cả hai nghìn tám trăm dặm, phía đông tiếp với cửa biển ở Khâm Châu, phía tây giáp tỉnh Văn Nam, tất cả là một nghìn bảy trăm dặm.

(Nguyễn Trãi, Toàn tập, Phần Dư địa chí,
NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001, tr.213)



*Tượng Ngô Quyền, thôn Cam Lâm,
xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây*



*Hai trong số các cọc gỗ do Ngô Quyền sai
đóng dưới lòng sông Bạch Đằng
để chống lại quân Nam Hán*

<https://www.youtube.com/watch?v=-oonZoAk57s>

2. Trần Quốc Tuấn (1228 – 1300)

Cuộc đời Trần Quốc Tuấn trải qua một lần gia biến, ba lần quốc nạn và ông đã tỏ ra là một bậc hiền tài. Thù nhà ông không đặt lên trên quyền lợi dân nước, xã tắc. Ông đã biết dẹp thù riêng, vun trồng cho mối đoàn kết giữa tông tộc họ Trần khiến cho nó trở thành cội rễ của đại thắng. Bấy giờ quân Nguyên sang xâm chiếm Việt Nam. Trần Quốc Tuấn đã giao hảo hòa hiếu với Trần Quang Khải. Hai người là hai đầu mối của hai chi trong họ Trần; sự hòa hợp của hai người chính là sự thống nhất ý chí của toàn bộ vương triều Trần, đảm bảo đánh thắng quân Nguyên hung hãn. Vua giao quyền tiết chế cho Trần Quốc Tuấn. Ông biết dùng người tài như các anh hùng Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng,... đều từ cửa tướng của ông mà ra. Ông rất thương binh lính và họ cũng rất tin tưởng ông. Đội quân cha con ấy trở thành đội quân bách thắng. Ông soạn hai bộ “Bình thư yếu lược” và “Vạn Kiếp tông bí truyền thư” để dạy bảo các tướng cách cầm quân đánh giặc, biết dĩ đoản binh chế trường trận. Là tướng nhân, ông thương dân, thương quân, chỉ cho quân dân con đường sáng. Là tướng nghĩa, ông coi việc phải hơn điều lợi. Là tướng chí, ông biết lẽ đời sẽ dẫn đến đâu. Là tướng dũng, ông sẵn sàng xông pha vào nơi nguy hiểm để đánh giặc, lập công, cho nên trận Bạch Đằng oanh liệt nghìn đời là đại công của ông. Là tướng tín, ông bày tỏ trước cho quân lính biết theo ông thì sẽ được gì, trái lời ông thì sẽ bị gì. Cho nên cả ba lần đánh giặc Mông – Nguyên, Trần Quốc Tuấn đều lập công lớn.



Tranh vẽ Trần Hưng Đạo, thời Nguyễn



*Tượng đài Trần Hưng Đạo, Công trường Mê
Linh, TP. Hồ Chí Minh*



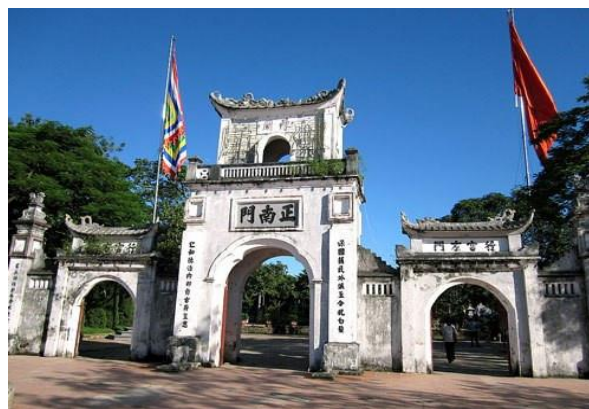
*Tượng đồng Trần Hưng Đạo
tại đền Kiếp Bạc*



*Tượng thờ Đức Thánh Trần trong
đền Ngọc Sơn (TP. Hà Nội)*



Đền thờ Trần Hưng Đạo, Hồ Chí Minh



*Đền Trần, phường Lộc Vượng, thành phố
Nam Định, tỉnh Nam Định*



*Lễ giỗ Đức Thánh Trần Hưng Đạo (Vũng
Tàu)*



Lễ khai hội Đền Thượng (Lào Cai)



*Lễ hội mùa thu Côn Sơn - Kiếp Bạc (tỉnh Hải Dương), tưởng niệm 722 năm
ngày mất của Anh hùng dân tộc Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn*

<https://www.youtube.com/watch?v=nr8BTuNushk>

(GV cho HS xem video tùy thời gian và thực tế giảng dạy tại lớp học)

3. Nguyễn Huệ

Ngày 25/11 năm Mậu Thân (ngày 22/12/1788), tại núi Bân, Phú Xuân, “ứng mệnh trời, thuận lòng người”, Bắc Bình Vương – Nguyễn Huệ cho xây đàn tế cáo trời đất và làm lễ đăng quang lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung năm thứ nhất. Ngay sau đó, ngày 26/11 năm Mậu Thân (ngày 23/12/1788), Quang Trung ra lệnh xuất quân – hành quân thần tốc ra Bắc, đại phá quân Thanh. Cuộc tiến công như vũ bão của 5 cánh quân vào các vị trí cổ thủ của địch; đến ngày mùng 5 tết Kỷ Dậu (ngày 30/1/1789) tổng công kích vào đồn Ngọc Hồi – Đống Đa và giải phóng kinh thành Thăng Long. Đánh tan cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Thanh, giữ vững nền độc lập và chủ quyền quốc gia; tạo nên chiến thắng hiển hách, vang dội trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Trước đó, vào năm 1785, Nguyễn Huệ đem đại quân vượt biển vào Gia Định tổ chức phản công đuổi quân giặc Xiêm ra khỏi đất nước. Đêm ngày 8 rạng ngày 9 tháng 12 năm Giáp Thìn (đêm 18 rạng ngày 19/1/1785), ông cho bày ra thế trận hết sức bất ngờ, lợi hại nhử quân địch vào một trận địa mai phục bố trí sẵn trên sông Mỹ Tho khoảng giữa Rạch Gầm – Xoài Mút, đánh tan quân Xiêm, tiêu diệt đại bộ phận, số tàn quân địch thoát chết tháo chạy về nước chỉ còn khoảng hơn 1 vạn quân. Từ đó, khởi nghĩa Tây Sơn vươn lên làm nhiệm vụ dân tộc và phát triển thành phong trào dân tộc với uy danh của Nguyễn Huệ. Sau khi xóa bỏ tình trạng phân liệt Đảng Trong – Đảng Ngoài kéo dài trên hai thế kỉ, lật đổ chính quyền chúa Nguyễn và chúa Trịnh, tạo điều kiện cho việc lập lại nền thống nhất quốc gia, chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc, Nguyễn Huệ - Quang Trung còn sáng lập một vương triều Tây Sơn tiến bộ.



Tượng đài Quang Trung, Bảo tàng Quang Trung, Tây Sơn, (Bình Định)



*Tượng đài kỷ niệm chiến thắng
Rạch Gầm - Xoài (Châu Thành)*



Dạn được sử dụng trong thời Tây Sơn

4. Võ Nguyên Giáp

Từ một thầy giáo dạy lịch sử trở thành Đại tướng, Tổng tư lệnh, ông được lịch sử và Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn vì: “Văn lo vận nước văn thành võ/Võ thấu lòng dân võ hóa văn”.

Võ Nguyên Giáp là đại tướng đầu tiên của quân đội ta, cũng là đại tướng thắng nhiều đại tướng nhất. Nhưng ông cũng là vị tướng luôn tiếc thương từng giọt máu của người chiến sĩ. Tên tuổi và sự nghiệp của ông đã không chỉ được khắc ghi trong lịch sử dân tộc mà còn lòng danh thế giới và luôn ngời sáng mãi trong lòng dân. Những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy đánh trận ở Hà Nội với chiến thuật “trùng điệp chiến”, trong đánh ngoài vây, cầm chân quân Pháp trong 60 ngày đêm trong thành phố. Năm 1953, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề ra chiến lược phá tan kế hoạch tập trung quân của Pháp – Mỹ, chọn Điện Biên Phủ làm trận quyết chiến chiến lược, thực hiện phương án “đánh chắc, tiến chắc”, làm nên trận Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu”, đặt dấu chấm hết cho chủ nghĩa thực dân ở Đông Dương. Bước vào kháng chiến chống Mỹ, Bí thư quân ủy Trung ương, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp xây dựng quân đội vững về chính trị, mạnh về quân sự, đáp ứng yêu cầu mới của cuộc chiến tranh nhân dân. Có thể nói, không một quân chủng, binh chủng nào được xây dựng, trưởng thành mà không mang dấu ấn của ông.



Võ Nguyên Giáp năm 1957



*Võ Nguyên Giáp trong buổi thành lập đội
Việt Nam Tuyên truyền
Giải phóng Quân*



*Võ Nguyên Giáp và Hồ Chí Minh,
chụp khoảng năm 1945*



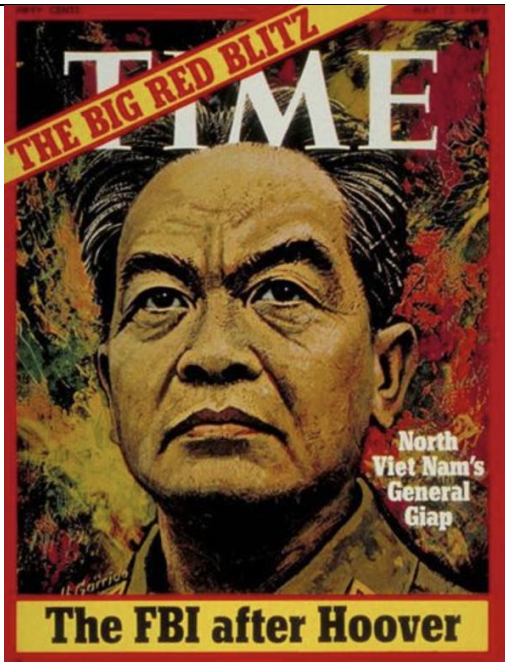
*Võ Nguyên Giáp duyệt đội hình danh dự của
quân đội Việt Nam*



*Tướng Giáp trong chiến dịch
Điện Biên Phủ*



*Tướng Giáp báo cáo kế hoạch tấn công Điện
Biên Phủ*



Hình vẽ Võ Nguyên Giáp trên bìa
tạp chí Time, ngày 15 tháng 5 năm 1972



Đại Tướng Võ Nguyên Giáp
sau khi về hưu

<https://www.youtube.com/watch?v=8cC-7cuTfks>

<https://www.youtube.com/watch?v=UBXtc4ynKu0>

(GV cho HS xem video tùy thời gian và thực tế giảng dạy tại lớp học).

KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

DANH NHÂN NGÔ QUYỀN (898 – 944)

1. Thân thế của Ngô Quyền

- Ngô Quyền sinh ra trong một dòng họ có thế lực ở châu Đường Lâm. Cha là Ngô Mân, làm chức châu mục Đường Lâm.
- Năm 939, sau thắng lợi trước quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938), Ngô Quyền xưng vương, lập ra nhà Ngô.

2. Nêu hoạt động/đóng góp của Ngô Quyền

- Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938.
- + Năm 938, trước ý đồ xâm lược của nhà Nam Hán, Ngô Quyền trực tiếp chỉ huy quân dân chuẩn bị tổ chức kháng chiến.
- + Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã đập tan ý đồ xâm lược của nhà Nam Hán, kết thúc hơn một nghìn năm Bắc thuộc trong lịch sử nước nhà.
- Xưng vương, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài: Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội), mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của nước Việt.

3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Ngô Quyền đối với lịch sử dân tộc

Ngô Quyền ghi danh vào trang sử hào hùng của dân tộc không chỉ là vị tướng tài năng, mà còn là người đầu tiên “mở nước xưng Vương”, đặt nền móng cho độc lập, tự chủ thực sự và lâu dài của dân tộc.

KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

DANH NHÂN TRẦN QUỐC TUẤN (1228 – 1300)

1. Thân thế của Trần Quốc Tuấn

Trần Quốc Tuấn sinh tại hương Tức Mặc (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định), là con của An Sinh vương Trần Liễu.

2. Nêu hoạt động/đóng góp của Trần Quốc Tuấn

- Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên

+ Trong cả 3 lần quân Mông – Nguyên xâm lược Đại Việt, Trần Quốc Tuấn đều được các vua Trần cử làm tướng chỉ huy.

+ Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai và thứ ba, ông được vua Trần Nhân Tông phong làm Quốc công Tiết chế, tổng chỉ huy các đạo quân thủy, bộ. Dưới sự lãnh đạo của ông, quân dân Đại Việt đã giành thắng lợi ở Chương Dương, Hàm Tử, Bạch Đằng,... đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi.

- Nhà tư tưởng, nhà quân sự lớn:

+ Là nhà quân sự lỗi lạc. Phương châm chiến lược “dĩ đoản chế trường”, “quân cốt tinh không cốt đông” của ông là những tư tưởng quân sự đúng đắn và sáng tạo.

+ Để lại một số tác phẩm nghệ thuật quân sự có giá trị: *Binh thư yếu lược*, *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*,...

+ Tư tưởng xuyên suốt của Trần Quốc Tuấn là tinh thần đoàn kết và yêu thương dân chúng, đó là nguồn gốc tạo nên sức mạnh giữ nước.

3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Trần Quốc Tuấn đối với lịch sử dân tộc

Trần Quốc Tuấn là một trong những vị tướng vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại. Mặc dù quân Mông – Nguyên là đạo quân hùng mạnh nhất thế kỉ XIII, song khi phải đương đầu với đạo quân, Trần Quốc Tuấn đã tỏ rõ tinh thần yêu nước, căm thù giặc, bản lĩnh kiên cường, ý chí quyết chiến, tin tưởng vào sức mạng của dân tộc.

Nhân dân tôn vinh ông là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi.

KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

DANH NHÂN NGUYỄN HUỆ (1753 – 1792)

1. Thân thế của Nguyễn Huệ

Nguyễn Huệ sinh tại thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành, huyện Hoài Nhơn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), là con trai thứ hai của Hồ Phi Phúc (Nguyễn Phi Phúc).

2. Nêu hoạt động/đóng góp của Nguyễn Huệ

- Lãnh đạo phong trào Tây Sơn, lật đổ các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn

+ Năm 1777: Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ dựng cờ khởi nghĩa.

+ Từ năm 1771 đến năm 1788, nghĩa quân đã lần lượt lật đổ chính quyền Nguyễn ở Đàng Trong, tiêu diệt chính quyền Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài, bước đầu xóa bỏ tình trạng chia cắt lãnh thổ, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất đất nước.

- Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm, Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

+ Đầu năm 1785, Nguyễn Huệ chủ động cho quân mai phục chặn đánh địch ở Rạch Gầm – Xoài Mút. Chỉ trong vòng một ngày, quân Tây Sơn đã tiêu diệt hầu hết quân Xiêm.

+ Cuối năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế ở Phú Xuân, lấy hiệu là Quang Trung, rồi hạ lệnh xuất ra Bắc.

3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Nguyễn Huệ đối với lịch sử dân tộc

Tài năng của Quang Trung bao quát trên nhiều mặt nhưng lĩnh vực tỏa sáng nhất là quân sự. Ông đã đưa tư tưởng và nghệ thuật quân sự Việt Nam phát triển lên một đỉnh cao mới. Tinh thần tiến công mãnh liệt, lối đánh thần tốc, bất ngờ là nét nổi bật nhất trong tư tưởng và nghệ thuật quân sự của Quang Trung - Nguyễn Huệ. Trong cuộc đời binh nghiệp của mình, từ tuổi 18 tham gia khởi nghĩa cho đến lúc từ trần ở tuổi 39, Nguyễn Huệ chỉ có thắng, chưa hề bại và ghi vào sử sách nhiều chiến công chói lọi.

KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

DANH NHÂN VÕ NGUYÊN GIÁP (1911 – 2013)

1. Thân thế của Võ Nguyên Giáp

Võ Nguyên Giáp quê ở làng An Xá, tổng Đại Phong Lộc (nay là xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình), xuất thân trong một gia đình nhà nho truyền thống yêu nước, ông nội từng tham gia phò tá vua Hàm Nghi trong phong trào Cần Vương.

2. Nêu hoạt động/đóng góp của Võ Nguyên Giáp

- *Vị tướng tài năng:*

+ Ngày 22/12/1944, theo lệnh của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với 34 chiến sĩ đầu tiên. Đây là tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đưa ra quyết sách đúng đắn, sáng tạo, trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch lớn.

+ Tên tuổi của ông gắn liền với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), góp phần tạo nên kì tích quân sự Việt Nam ở thế kỉ XX.

- *Nhà tư tưởng, nhà quân sự lớn:*

+ Đại tướng đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, tiêu biểu như Đội quân giải phóng, Từ nhân dân mà ra, Điện Biên Phủ, Những năm tháng không thể nào quên, Chiến đấu trong vòng vây,...

+ Tư tưởng quân sự xuyên suốt của ông là chiến tranh nhân dân, chú trọng nghệ thuật lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh.

3. Rút ra nhận xét/đánh giá vai trò về vai trò của Võ Nguyên Giáp đối với lịch sử dân tộc

Võ Nguyên Giáp là vị Đại tướng đầu tiên và là Tổng tư lệnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ông được đánh giá là một trong những vị tướng lỗi lạc nhất trong lịch sử nhân loại.

HOẠT ĐỘNG 4: MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS trình bày được thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá được những đóng góp của một số danh nhân văn hóa Việt Nam đối với lịch sử dân tộc.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận 4 nhóm, khai thác Hình 9 – 11, tư liệu, mục *Em có biết*, thông tin trong mục IV SGK tr.55 – 59 và hoàn thành *Bảng thống kê về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân văn hóa Việt Nam*.

c. Sản phẩm: *Bảng thống kê về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân văn hóa Việt Nam* của các nhóm và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm. - GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm như sau: Khai thác Hình 9 – 11, tư liệu, mục <i>Em có biết</i>, thông tin trong mục IV SGK tr.55 – 59 và hoàn thành <i>Bảng thống kê về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân văn hóa Việt Nam</i>. Hình 9. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông tại Yên Tử (Quảng Ninh) Hình 10. Nguyễn Trãi (tranh vẽ) Hình 11. Tượng Nguyễn Du tại Tiên Điền (Nghị Xuân, Hà Tĩnh) Hình 12. Tượng Hồ Xuân Hương tại Quỳnh Lưu (Nghệ An) + Nhóm 1: Tìm hiểu về danh nhân Trần Nhân Tông (1258 – 1308). + Nhóm 2: Tìm hiểu về danh nhân Nguyễn Trãi (1380 – 1442). + Nhóm 3: Tìm hiểu về danh nhân Nguyễn Du (1766 – 1820). + Nhóm 4: Tìm hiểu về danh nhân Hồ Xuân Hương (1772 – 1822). BẢNG THỐNG KÊ VỀ MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM	IV. Một số danh nhân văn hóa Việt Nam 1. Trần Nhân Tông (1258 – 1308) 2. Nguyễn Trãi (1380 – 1442) 3. Nguyễn Du (1766 – 1820) 4. Hồ Xuân Hương (1772 – 1822) <i>Bảng thống kê về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân văn hóa Việt Nam phía dưới Hoạt động 4.</i>

Danh nhân	Thân thế	Hoạt động/Đóng góp	Nhận xét/Đánh giá vai trò
- GV cung cấp một số tư liệu về danh nhân văn hóa Việt Nam (Đính kèm phía dưới Hoạt động 4). Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS khai thác thông tin trong mục, tư liệu do GV cung cấp và hoàn thành bảng thống kê theo mẫu. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 4 nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận, trình bày về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân văn hóa Việt Nam theo <i>Bảng thống kê</i>. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá và hoàn chỉnh bảng thống kê. - GV chuyển sang nội dung mới.			
TƯ LIỆU VỀ MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM 1. Trần Nhân Tông Trần Nhân Tông tên húy là Khâm, sinh ngày 11/11 âm lịch năm Mậu Ngọ (tức ngày 7/12/1258), là con trưởng của vua Trần Thánh Tông và Nguyễn Thánh Thiên Cảm hoàng hậu Trần Thị Thiệu. Sinh thời, ông có tướng mạo phi phàm (Đại Việt Sử ký toàn thư chép: khi sinh ra, thân Ngài có màu sắc hoàng kim, nước da vàng sáng rất đẹp, nên gọi Ngài là Phật kim). Ông rất thông minh và hiếu học, đọc hết sách vở trong ngoài. Năm 21 tuổi (năm 1279), ông lên ngôi Hoàng đế, hiệu là Trần Nhân Tông, tự xưng là Hiếu Hoàng. Khi giặc Nguyên sang xâm chiếm Đại Việt, với tài mưu lược sáng suốt, khả năng đoàn kết toàn dân, Trần Nhân Tông hai lần cùng vua cha và các tướng lĩnh lãnh đại quân dân đánh tan quân xâm lược Nguyên (1285, 1287 – 1288), bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự chủ của dân tộc. Lịch sử ghi sự kiện hiển hách về tinh thần dân chủ cởi mở của vua Trần Nhân Tông và Thượng hoàng Trần Thánh Tông khi tổ chức Hội nghị Diên Hồng; có thể coi đây là mầm mống của hành động “trung cầu dân ý” về một sự kiện trọng đại của đất nước trước họa xâm lăng. Ông chính là linh hồn của xã tắc giữa giờ phút cheo leo bên bờ vực thẳm. Tấm lòng bao dung hiếm có của vua Trần Nhân Tông và Thượng hoàng Trần Thánh Tông cũng thật hiếm có khi không truy cứu những người nao núng viết thư đầu hàng giặc. Sau 14 năm trị vì đất nước, năm Quý Tị (1293), ông nhường ngôi cho con là Trần Thuyên (tức vua Trần Anh Tông) và lên làm Thái Thượng hoàng rồi xuất gia tu hành. Mặc dù vậy, ông vẫn tham chính về ngoại giao gắn kết hai dân tộc, ổn định phương Nam đề phòng sự xâm lược.			



*Chân dung Vua Trần Nhân Tông,
người sáng lập Thiền phái Trúc Lâm*



*Tượng Giác Hoàng Trần Nhân Tông
đặt trong tháp Huệ Quang*



*Tác phẩm Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ miêu tả cảnh Thượng hoàng
Trần Nhân Tông, lúc này đã xuất gia, từ động Vũ Lâm xuất du*



*Lăng vua Trần Nhân Tông (Trần Khâm)
(1258 - 1308) ở Long Hưng, Thái Bình*



Đền Trần Nhân Tông tại Huế

<https://www.youtube.com/watch?v=jEcMA9fFQ4w&t=15s>

2. Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) hiệu là Úc Trai, là một nhà chính trị, nhà văn. Học và thi đỗ Thái học sinh năm 1400, Nguyễn Trãi làm quan dưới Triều Hồ với chức Ngự sử đài chính chương. Khi nhà Minh xâm lược, cha ông là Nguyễn Phi Khanh bị bắt giải về Trung Quốc. Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống lại sự thống trị của nhà Minh, trở thành mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn, đề ra chiến lược cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với quân Minh. Sau chiến tranh, ông trở thành khai quốc công thần của triều đại quân chủ nhà Lê sơ, tiếp tục phục vụ dưới triều đại vua Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông với chức vụ Nhập nội hành khiển và Thừa chỉ. Năm 1442, gia đình Nguyễn Trãi bị kết án tru di tam tộc trong vụ án Lệ Chi Viên. Đến năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu ân xá cho ông. Nguyễn Trãi là nhà văn hóa lớn, có đóng góp to lớn cho sự phát triển văn hóa và tư tưởng Việt Nam. Tác phẩm mang tính chất chính trị và quân sự nổi tiếng của ông là *Quân trung từ mệnh tập*, *Chiêu biểu viết dưới Triều Lê*, *Bình Ngô đại cáo*,... trong đó, *Bình Ngô đại cáo* ca ngợi chiến thắng vẻ vang của nghĩa quân Lam Sơn và hào khí thời đại, được xem là bản Tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước ta. Nguyễn Trãi dành

cả cuộc đời cống hiến cho sự nghiệp phát triển của văn học và chính trị dân tộc. Nguyễn Trãi – người anh hùng của dân tộc, văn võ song toàn.



Nguyễn Trãi (1380 – 1442)



Nguyễn Trãi dâng lên Lê Lợi Bình Ngô sách
tại căn cứ khởi nghĩa Lam Sơn



Đền thờ Nguyễn Trãi
tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín



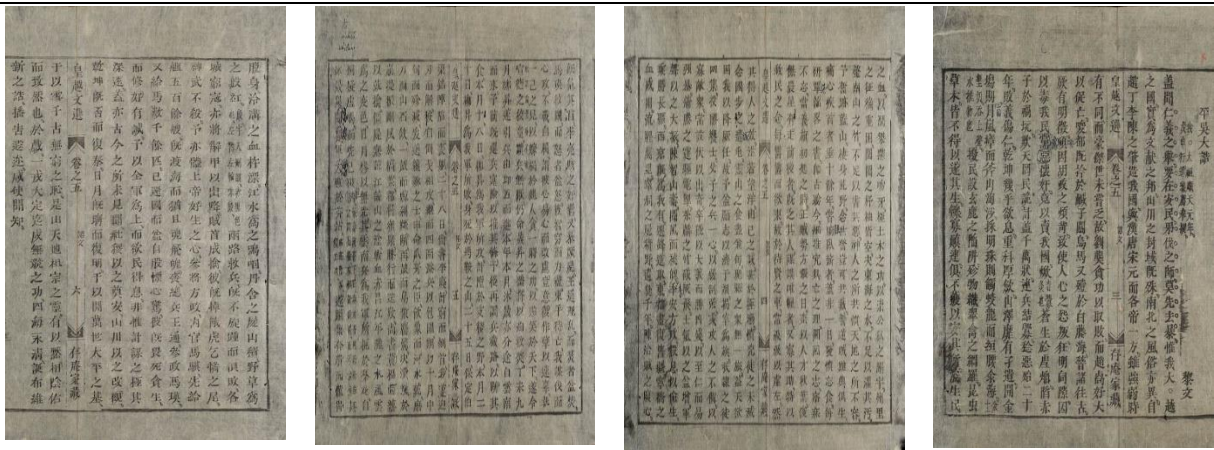
Tượng Nguyễn Trãi ở Nhị Khê (Hà Nội)



Đền thờ Nguyễn Trãi ở Côn Sơn,
Hải Dương



Tượng đài thi hào Nguyễn Trãi



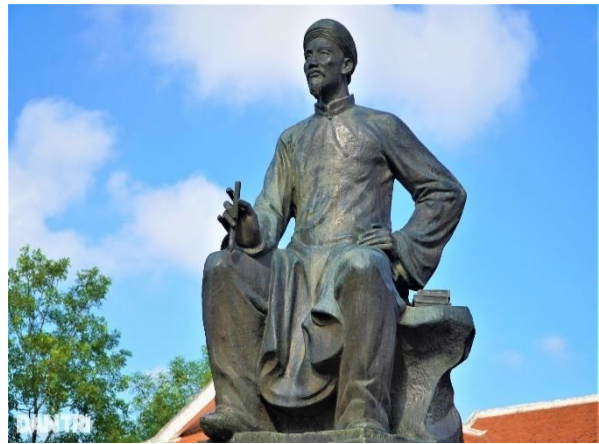
Nguyên văn “Bình Ngô đại cáo”, trích trong Hoàng Việt Văn Tuyển
phát hành năm 1825, bản lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Việt Nam

<https://www.youtube.com/watch?v=NKqc3AWhmMU>

(GV cho HS xem video tùy thời gian và thực tế giảng dạy tại lớp học)

3. Nguyễn Du

Nguyễn Du (1765 – 1820) tên chữ là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, sinh tại kinh thành Thăng Long (nay là Thủ đô Hà Nội). Cha là Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm (1708 – 1776) quê xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, làm quan đến chức Tham Tụng (Tể tướng) dưới Triều Lê, mẹ là bà Trần Thị Tần quê ở Kinh Bắc – Bắc Ninh. Năm 13 tuổi (1778), mồ côi cả cha lẫn mẹ. Năm 1783, Nguyễn Du thi đậu Tam trường, được tập ấm một chức quan võ của người cha nuôi họ Hà (Hà Mỗ) ở Thái Nguyên. Khi Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế để lấy hiệu Quang Trung, Nguyễn Du lánh về nhà tại Thái Bình. Sau đó, Nguyễn Du về quê cũ ở xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Khi Gia Long lên ngôi, Nguyễn Du được bổ làm Tri huyện, sau đó, được cử cùng phái bộ nghênh tiếp sứ thần nhà Thanh sang sắc phong cho vua Gia Long. Năm Giáp Tý (1804), Nguyễn Du cáo bệnh về quê. Song Triều Nguyễn vẫn mời làm Đông Các Đại học sĩ, tước Du Đức hầu (hàm ngũ phẩm), từng giữ chức giám khảo thi Hương ở Hải Dương. Nguyễn Du để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm văn chương bất hủ, cả chữ Hán và chữ Nôm, bao gồm: *Thanh Hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm*, *Bắc hành tạp lục*, ... đặc biệt là nhất *Đoạn trường tân thanh* (*Truyện Kiều*).



Trượng đài hư cấu về dung nhan Nguyễn Du (Hà Tĩnh)



Bìa cuốn *Truyện Kiều* in đính kèm trong Hồ sơ khoa học đề nghị UNESCO ghi danh Nguyễn Du là Danh nhân văn hóa thế giới



Lăng mộ Nguyễn Du (Hà Tĩnh)

<https://www.youtube.com/watch?v=r4mtYenwzs4>

4. Hồ Xuân Hương

Hồ Xuân Hương (1772 – 1882) sinh ở Thăng Long; là con gái ông Hồ Phi Diễn (1703 - 1786), một nhà nho ở làng Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An. Bà có tư chất thông minh, bản lĩnh, trải đời, ưa xướng họa thơ ca. Sống và sáng tác cùng giai đoạn với Địa thi hào Nguyễn Du, nữ sĩ Hồ Xuân Hương là một phong cách thơ nôm độc đáo. Sự nghiệp thi ca của Hồ Xuân Hương với khoảng 150 tác phẩm, trong đó có khoảng 100 tác phẩm bằng chữ Nôm, bà được gọi là “Bà Chúa thơ Nôm”.



Chân dung nữ sĩ Hồ Xuân Hương
(Bìa sách *Giai nhân di mặc - học giả Nguyễn Hữu Tiến*, 1916)

Đặc trưng phong cách diễn ý thơ Nôm Hồ Xuân Hương là mượn cảnh, mượn vật để ẩn dụ về câu chuyện, thái độ và số phận con người qua đôi mắt của một người phụ nữ tài năng, bản lĩnh và cũng là cá biệt trong xã hội đương thời.

<https://www.youtube.com/watch?v=kLkZ4pmtBj8>

BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM

Danh nhân	Thân thế	Hoạt động/Đóng góp	Nhận xét/Đánh giá vai trò
Trần Nhân Tông (1258 – 1308)	Tên thật là Trần Khâm, là hoàng tử trưởng của vua Trần Thánh Tông. Ông trị vì từ năm 1278 đến năm	- Nhà thơ, nhà văn hóa lớn: để lại nhiều tác phẩm có giá trị thuộc lĩnh vực triết học, lịch sử, Phật giáo, văn	Cuộc đời và sự nghiệp của Phật hoàng Trần Nhân gắn liền với những

	1293. Sau đó, nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông và lên làm Thái thượng hoàng.	học,...Tiêu biểu như <i>Trung hưng thực lục</i>, các bài thơ được tập hợp trong <i>Trần Nhân Tông thi tập</i>. - <i>Người sáng lập Thiền phái Phật giáo Trúc Lâm:</i> + Trần Nhân Tông xuất gia tu hành, trở thành vị sư tổ sáng lập Thiền phái Phật giáo Trúc Lâm. + Tư tưởng trung tâm trong nhân sinh quan của ông là “Cư trần lạc đạo”, thấu hiểu lẽ đời, ung dung, tự tại, hòa mình, đồng cảm với đồng loại, thiên nhiên. + Là nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao xuất sắc, góp phần giữ gìn mối quan hệ hòa hiếu với Chăm-pa, mở mang bờ cõi Đại Việt.	đóng góp to lớn cho dân tộc, cho đạo Pháp. Ông không chỉ là một bậc minh quân sáng suốt, có trách nhiệm với dân, với nước mà còn là một vị tu sĩ Phật giáo đạo cao đức trọng, hành hạnh đầu đà miên mật, tích cực phát triển nền Phật giáo nước nhà.
Nguyễn Trãi (1380 – 1442)	- Nguyễn Trãi hiệu là Úc Trai, quê gốc ở làng Chi Ngại (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), sau dời đến thôn Nhị Khê (nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội). - Ông là con của danh sĩ Nguyễn Phi Khanh, cháu ngoại của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. - Năm 1400, Nguyễn Trãi thi đậu Thái học sinh dưới Triều Hồ.	- <i>Nhà chính trị - quân sự, nhà tư tưởng lớn:</i> + Là người tham gia tích cực khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống quân Minh xâm lược. Tư tưởng chính trị, quân sự sáng suốt và tài ngoại giao của ông góp phần quan trọng vào thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn. + Nét nổi bật trong tư tưởng của ông là sự hòa quyện giữa Nho giáo, Phật giáo, tư tưởng Lão Trang, xuyên suốt là tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân, yêu hòa bình.	“Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc, văn võ song toàn. Văn là chính trị: Chính trị cứu nước, cứu dân, nội trị ngoại giao, mở nền thái bình muôn thuở, rửa nỗi thẹn nghìn thu. Võ là quân sự: Chiến lược và chiến thuật, yếu đánh mạnh, ít địch nhiều... thắng hung tàn bằng đại nghĩa. Văn võ đều là võ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao”.

		- <i>Nhà văn, nhà thơ lớn</i>: + Ông để lại nhiều tác phẩm văn chương bằng chữ Hán và chữ Nôm gồm nhiều thể loại trên các lĩnh vực văn học, lịch sử, địa lí, luật pháp, lễ nghi,... + Tiêu biểu là các tác phẩm <i>Quân trung từ mệnh tập</i>, <i>Bình Ngô đại cáo</i>, <i>Phú núi Chí Linh</i>, <i>Lam Sơn thực lục</i>, <i>Dur địa chí</i>, <i>Ức Trai thi tập</i>, <i>Quốc âm thi tập</i>,...	
Nguyễn Du (1766 – 1820)	- Nguyễn Du tên chữ là Tố Như, quê ở xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. - Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống văn chương và nghệ thuật, cha là Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm.	- <i>Nhà thơ lớn – tác giả “Truyện Kiều”</i>: + Nguyễn Du để lại di sản văn chương đồ sộ với những tác phẩm nổi tiếng bằng chữ Hán và chữ Nôm. + <i>Truyện Kiều</i> là kiệt tác trong nền văn học Việt Nam. + Thơ ca của ông ca ngợi vẻ đẹp con người, tình yêu đôi lứa; đề cao tự do, khát vọng công lí, lên án bất công xã hội; phản ánh nỗi khổ đau, bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ và ước mơ giải phóng con người. - <i>Người góp phần đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại Việt Nam</i>. + Những sáng tác của ông là sự kết tinh thành tựu chữ Hán và chữ Nôm, tổng hợp tinh hoa của nhiều thể loại văn học. + Là người có tình yêu tiếng Việt sâu sắc. Những	Nguyễn Du là đại thi hào của dân tộc với nhiều tác phẩm mang đậm chủ nghĩa nhân văn.

		tác phẩm viết bằng chữ Nôm của Nguyễn Du góp phần quan trọng vào việc đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của Việt Nam.	
Hồ Xuân Hương (1772 – 1822)	- Sinh tại phường Khán Xuân (Ba Đình, Hà Nội ngày nay). Cha là Sinh đồ Hồ Phi Diễn, người hương Quỳnh Đôi (huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An). - Thuở nhỏ, Hồ Xuân Hương đã nổi tiếng thông minh, giỏi làm thơ.	- “<i>Bà chúa thơ Nôm</i>”: + Hồ Xuân Hương để lại nhiều áng thơ xuất sắc: <i>Bẽn bẽn lang khóc chồng</i>, <i>Bánh trôi nước</i>, <i>Lấy chồng chung</i>, <i>Cái quạt</i>,... Những bài thơ được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật và thất ngôn tứ tuyệt. + Hồ Xuân Hương được mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm”: sử dụng chữ Nôm kết hợp phong cách nghệ thuật sáng tạo, đậm chất văn học dân gian. Bà có biệt tài sử dụng điệp khúc, âm điệu, tiết tấu thích hợp với từng ý, từng hoàn cảnh, lời thơ tự nhiên, duyên dáng. - <i>Người đề cao tư tưởng bình đẳng nam nữ</i>: Thơ của bà phản ánh nghị lực, tinh thần vươn lên của người phụ nữ, khát vọng được yêu thương, hạnh phúc, khẳng định mình; nói lên thân phận người phụ nữ, lên án chế độ hôn nhân đa thê, chống lại trật tự xã hội phong kiến nam quyền.	Hồ Xuân Hương có đóng góp lớn cho nữ quyền, cho sự bình đẳng của phụ nữ; di sản của Hồ Xuân không chỉ là thơ ca, mà còn là hệ ứng xử-tinh thần-ý thức vì một sự tiến bộ tốt đẹp. Hồ Xuân Hương không chỉ đấu tranh, bảo vệ mà còn có ý thức cảnh báo, phê phán, chống lại, phủ định những gì ngăn cản sự tiến bộ của con người.

HOẠT ĐỘNG 5: MỘT SỐ DANH NHÂN VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO VÀ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS trình bày được thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá được những đóng góp của một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ đối với lịch sử dân tộc.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm, khai thác thông tin Hình 13 – Hình 15, tư liệu, thông tin mục V SGK tr.59 – 62 và thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng thống kê về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ.*

c. Sản phẩm: *Bảng thống kê về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ của các nhóm và chuẩn kiến thức của GV.*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ). - GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm: Khai thác thông tin Hình 13 – Hình 15, tư liệu, thông tin mục V SGK tr.59 – 62 và thực hiện nhiệm vụ: <i>Lập bảng thống kê về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ.</i> + Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về Chu Văn An (1292 – 1370). Hình 13. Tượng Chu Văn An tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội) + Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về Tuệ Tĩnh (1330 - ?). Hình 14. Dền Bia (Hải Dương) + Nhóm 5, 6: Tìm hiểu về Lê Quý Đôn (1726 – 1784)	V. Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ 1. Chu Văn An (1292 – 1370) 2. Tuệ Tĩnh (1330 - ?) 3. Lê Quý Đôn (1726 – 1784) Đính kèm kết quả <i>Bảng thống kê về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ</i> phía dưới Hoạt động 5.



Hình 15. Từ đường thờ Lê Quý Đôn tại xã Độc Lập
(huyện Hưng Hà, Thái Bình)

BẢNG THỐNG KÊ VỀ MỘT SỐ DANH NHÂN VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO VÀ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

Danh nhân	Thân thế	Hoạt động/Đóng góp	Nhận xét/Đánh giá vai trò

- GV cung cấp một số tư liệu về danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ (Đính kèm phía dưới Hoạt động 5).

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khai thác thông tin trong mục, tư liệu do GV cung cấp và hoàn thành bảng thống kê theo mẫu.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 3 nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận, trình bày về thân thế, sự nghiệp, nhận xét và đánh giá về những đóng góp của một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ theo *Bảng thống kê*.
- GV yêu cầu các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, đánh giá và hoàn chỉnh bảng thống kê.

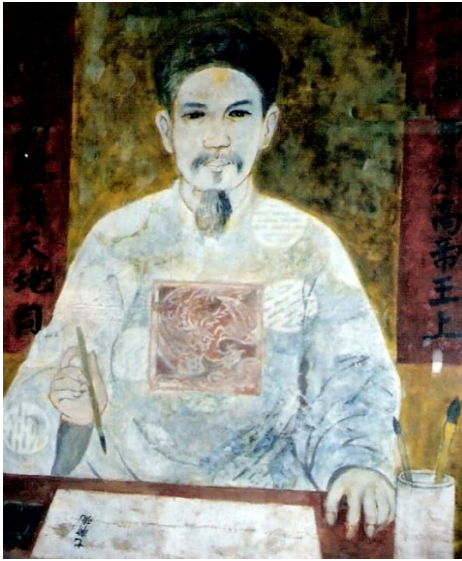
TƯ LIỆU VỀ CÁC DANH NHÂN VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ, GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO

1. Chu Văn An

Chu Văn An (1292 – 1370) là người xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội). Đỗ Thái học sinh (tiên sĩ) dưới triều vua Trần Minh Tông, nhưng ông không ra làm quan mà mở trường dạy học ở quê nhà.

Ông được vua Trần Minh Tông mời ra làm Tư nghiệp (hiệu trưởng) trường Quốc Tử Giám, trông coi việc học cho cả nước. Ông cho mở mang trường, viết Tứ thư thuyết ước, tóm tắt bốn bộ sách lớn là Luận ngữ, Mạnh tử, Đại học và Trung dung, làm giáo trình dạy học, từ đó, Quốc Tử Giám mỗi ngày được củng cố, mở rộng. Ông là nhà giáo, thầy thuốc, đại quan dưới Triều Trần. Là thầy giáo giỏi, Chu Văn An nổi tiếng thanh liêm, chính trực. Với cương vị một người thầy, ông không phân biệt trò giàu, trò người, vô cùng nghiêm khắc, coi trọng hiền tài. Thấy vua ham mê tửu sắc, nóng nảy, nông cạn; trong triều có nhiều quyền gian liên kết hoành hành, bên ngoài

giặc giã đẩy lên cướp bóc,... nhà giáo Chu Văn An phẫn nộ, đã viết Thất trảm sớ, đòi chém 7 kẻ nịnh thần. Không được vua trả lời, Chu Văn An rời kinh thành về vùng đất Chí Linh (Hải Dương) mở trường tiếp tục dạy học. Cuối đời, Chu Văn An sống thanh thân trong cảnh nghèo, vui với lớp học, văn chương. Triều đình nhiều lần mời về nhưng ông nhất định từ chối.



*Tranh thờ Chu Văn An trong Văn Miếu -
Quốc Tử Giám tại Hà Nội*

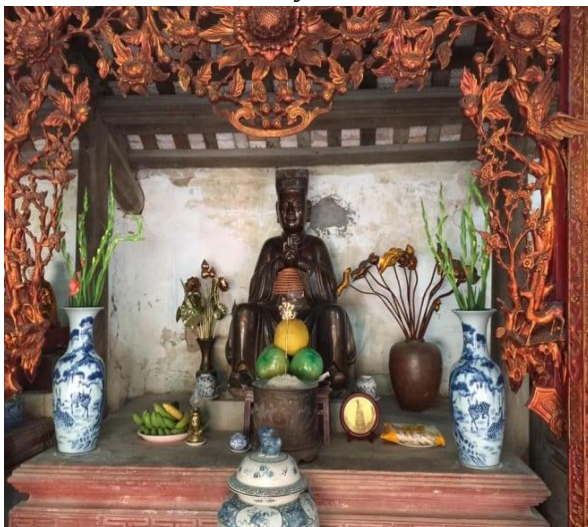


*Tượng Chu Văn An tại Văn Miếu
Trấn Biên - Đồng Nai*

<https://www.youtube.com/watch?v=y2b34CBfFOs>

2. Tuệ Tĩnh

Tuệ Tĩnh (1330 - ?) là người làng Nghĩa Phú, tổng Văn Thai, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương). Mồ côi mẹ lúc 6 tuổi, được các nhà sư nuôi cho học, năm 22 tuổi đậu Thái học sinh (đệ nhị giáp tiến sĩ) dưới triều vua Trần Dụ Tông; không ra làm quan mà ở lại chùa đi tu, lấy pháp hiệu là Tuệ Tĩnh. Đó cũng là thời gian ông học thuốc, làm thuốc chữa bệnh cho người. Ông đã tổng hợp y dược dân tộc cổ truyền trong bộ sách có giá trị là *Nam dược thần hiệu* chia làm 10 khoa. Đặc biệt, ông có bộ *Hồng nghĩa giác tư y thư* (2 quyển) biên soạn bằng quốc âm, trong đó, có bản thảo 500 vị thuốc nam viết bằng thơ Nôm Đường luật và bài Phú thuốc Nam 630 vị bằng chữ Nôm. Ông trở thành một thiền sư, một y sư; danh tiếng Tuệ Tĩnh không chỉ được biết đến ở Việt Nam, mà tiếng tăm ông đã đồn khắp Trung Quốc thời đó và còn được vua nhà Minh phong là Đại Y Thiền Sư, được mời vào Thái y viện.



Chùa Giám thờ tượng Thiền sư



Tượng Danh y Thiền sư Tuệ Tĩnh

<https://www.youtube.com/watch?v=HvIzmEG4Ed4>

https://www.youtube.com/watch?v=WV81TZ_ajTk

<https://www.youtube.com/watch?v=j9PUHfhePXw>

3. Lê Quý Đôn

Lê Quý Đôn (1726 – 1784) là người làng Diên Hà, trấn Sơn Nam (nay là thôn Đồng Phú, xã Độc lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình), con của Tiến sĩ Lê Trọng Thứ. Lê Quý Đôn từ thuở nhỏ đã được gọi là “thần đồng” (5 tuổi đọc được nhiều bài trong Kinh Thi; 12 tuổi đọc hết các sử sách, 14 tuổi đọc xong toàn bộ sách kinh, sử của Nho gia); ông đỗ đầu 3 kì thi: thi Hương (17 tuổi), thi Hội và thi Đình (26 tuổi) lấy Bảng nhãn (lúc đó chưa có Trạng nguyên). Là người ham đọc sách và học hỏi, ngay cả khi không đỗ đạt, làm quan cũng “không khí nào tay rời quyển sách”. Lê Quý Đôn được mệnh danh là “túi khôn của thời đại”; người đương thời nói: “Thiên hạ vô tri vấn Bảng Đôn – Có điều gì không biết, hãy đến hỏi Lê Quý Đôn”. Lê Quý Đôn từng được bổ nhiệm làm quan, giữ chức vụ quan trọng, có khi làm Thượng thư bộ Công. Ông nổi tiếng với Đại Việt thông sử, Phủ biên tạp lục, đặc biệt cuốn bách khoa thư Vân đài loại ngữ (viết lúc ông 30 tuổi) tập hợp các tri thức về triết học, khoa học, văn học,... Trong Vân đài loại ngữ, ông phê phán các nho sĩ đương thời, chỉ biết nhồi nhét những kinh nghiệm viển vông; đồng thời tha thiết đề xuất phải thay đổi: “Giáo khoa phải dạy cả lục nghệ, trong đó cả văn tự và vũ bị”. Là người có “Học vấn bao trùm, xem rộng khắp hết sách vở, nhờ văn chương mà đi thi thi chiếm bảng đầu. Có kiến thức mênh mông đồ sộ, lại sở trường bậc nhất ở trước thuật” (Phan Huy Chú), năm 1764, Lê Quý Đôn xin từ quan về quê trí sĩ, đóng cửa viết sách.

<https://www.youtube.com/watch?v=8RBH0zcAOOp0>

(Từ đầu đến 6p17s).

BẢNG THÔNG KÊ VỀ MỘT SỐ DANH NHÂN VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO VÀ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

Danh nhân	Thân thế	Hoạt động/Đóng góp	Nhận xét/Đánh giá vai trò
Chu Văn An (1292 – 1370)	Chu Văn An tên thật là Chu An, tự là Linh Triệt, quê ở xã Quang Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	- Nhà giáo với triết lí giáo dục nhân văn: + Ông về quê nhà mở trường dạy học. Là nhà nho có học vấn sâu rộng, tận tụy với nghề dạy học, đã đào tạo được nhiều học trò giỏi, nổi tiếng. + Dưới thời vua Trần Minh Tông, ông được mời về Thăng Long giữ chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám; mở mang trường học. - Tấm gương chính trực, thanh liêm: Chu Văn An đã viết <i>Thất trảm sớ</i> dâng lên nhà vua đòi chém 7 kẻ nịnh thần. Khi không được chấp thuận, ông	Chu Văn An đã để lại cho hậu thế rất nhiều kinh nghiệm giáo dục cho thế hệ trẻ. Những kinh nghiệm giáo dục của Chu Văn An được vận dụng mang lại nhiều ý nghĩa thiết thực qua đó khẳng định những đóng góp to lớn của ông đối với sự nghiệp giáo dục nước nhà suốt

		cáo quan, về Chí Linh tiếp tục dạy học.	theo chiều dài lịch sử.
Tuệ Tĩnh (1330 - ?)	- Tuệ Tĩnh tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh, quê ở tổng Văn Thai, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương). - Ông sinh ra trong một gia đình nghèo, mồ côi cha mẹ từ lúc 6 tuổi. - Năm 1351, Tuệ Tĩnh đỗ Thái học sinh nhưng không ra làm quan, tiếp tục chuyên tâm nghiên cứu y học, làm thuốc chữa bệnh cứu người.	- “<i>Vị thánh thuốc Nam</i>”: + Xây dựng quan điểm y học độc lập, phù hợp với thực tiễn. + Trồng cây thuốc, sưu tầm kinh nghiệm chữa bệnh và truyền nghề, dạy người dân cách trồng cây thuốc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, phòng tránh bệnh tật. - Người mở đường cho y học cổ truyền Việt Nam: + Tập trung viết sách để lưu giữ lại những bí quyết, bài thuốc trị bệnh giá trị, nổi tiếng là bộ <i>Nam dược thần hiệu</i>, <i>Hồng Nghĩa giác tư y thư</i>.	Tuệ Tĩnh là đại danh y thời Trần, người đặt nền móng cho nền y học cổ truyền Việt Nam.
Lê Quý Đôn (1726 – 1784)	- Sinh tại làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam (nay là huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) trong gia đình khoa bảng. - Thuở nhỏ, Lê Quý Đôn là người ham học, thông minh, được người đương thời gọi là “thần đồng”. - Sau khi thi đỗ Tiến sĩ, ông được bổ nhiệm làm quan và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền Lê – Trịnh.	- <i>Nhà bác học lỗi lạc</i>: + Ông để lại cho đời khoảng 40 công trình khảo cứu có giá trị trên nhiều lĩnh vực, có đóng góp to lớn với nền văn hiến nước nhà: <i>Vân đài loại ngữ</i>, <i>Đại Việt thông sử</i>, <i>Phủ biên tạp lục</i>, <i>Kiến văn tiểu lục</i>, <i>Bắc sử thông lục</i>, <i>Toàn Việt thi lục</i>, <i>Quế Đường văn tập</i>, <i>Quế Đường thi tập</i>,... - <i>Vị quan tài năng</i>: + Là người có tài đáp ứng văn chương, được triều đình nhiều lần cử đi sứ sang nhà Thanh. + Dâng kế sách trị nước lên triều đình, tiêu biểu như bốn điều về trị đạo.	Là nhà bác học có nhiều đóng góp to lớn trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và khoa học.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học về *Danh nhân trong lịch sử Việt Nam*.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức đã học trong *Chuyên đề 3*, hoàn thành bài tập 1 - phần Luyện tập – SGK tr.62.

c. Sản phẩm: Câu trả lời phần Luyện tập – SGK tr.62.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi: *Trình bày những nét chính về khái niệm danh nhân và vai trò của các danh nhân đối với lịch sử Việt Nam.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS nêu những nét chính về khái niệm danh nhân và vai trò của các danh nhân đối với lịch sử Việt Nam.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

+ *Danh nhân là người nổi tiếng, có công hiến nổi bật, có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng và được xã hội ghi nhận.*

+ *Vai trò của danh nhân đối với lịch sử Việt Nam:*

- *Khởi xướng, tập hợp, lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ và giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.*
- *Đứng đầu các vương triều, chính quyền; đề ra đường lối, chính sách, lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước.*
- *Có nhiều đóng góp về văn hóa, giáo dục, tạo ra những phát minh, sáng chế, sáng lập các trường phái tư tưởng, ...góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật nước nhà.*

- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố liên hệ, vận dụng kiến thức đã học về *Danh nhân trong lịch sử Việt Nam*.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức đã học trong *Chuyên đề 3*, hoàn thành bài tập phần Vận dụng – SGK tr.62.

c. Sản phẩm: Câu trả lời phần Vận dụng SGK tr.62.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm.

- GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm như sau:

+ **Nhóm 1, 3:** *Sưu tầm tư liệu và viết một bài về đóng góp của một trong những danh nhân tiêu biểu ở Việt Nam.*

+ **Nhóm 2, 4:** *Thiết kế áp phích/ tập san/ băng hình để giới thiệu với thầy cô và bạn học về một danh nhân tiêu biểu ở địa phương em.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thêm thông tin, tư liệu, hình ảnh trong sách, báo, internet để hoàn thành nhiệm vụ.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá và kết thúc tiết học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học trong *Chuyên đề 3*.
- Hoàn thành bài câu hỏi tập 1 - phần Luyện tập và phần Vận dụng SGK tr.62.

NỘI DUNG THỰC HÀNH CHUYÊN ĐỀ 3
DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM
(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Sau nội dung thực hành này, HS sẽ:

- Tổng kết được các kiến thức đã học trong *Chuyên đề 3 – Danh nhân trong lịch sử Việt Nam*
- Thực hành, thực hiện được dự án học tập về *Danh nhân trong lịch sử Việt Nam*.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Vận dụng kiến thức lịch sử đã học về *Danh nhân trong lịch sử Việt Nam* để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống; Có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

3. Phẩm chất

- *Chăm chỉ:* tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động học tập của cá nhân, nhóm.
- *Nhân ái:* tôn trọng những ý kiến khác biệt, có tinh thần giúp đỡ bạn bè trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.
- *Trách nhiệm:* có ý thức thực hiện tốt những nhiệm vụ học tập được phân công, có tinh thần trách nhiệm với tập thể trong quá trình học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 11, SGK Chuyên đề học tập Lịch sử 11, Giáo án (kế hoạch dạy học).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 11.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh liên quan đến một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam, HS gọi đúng tên danh nhân tương ứng với mỗi hình.

c. Sản phẩm: HS gọi đúng tên danh nhân tương ứng với mỗi hình.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Nhà sử học thông thái*.
- GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh liên quan đến một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam, HS gọi đúng tên danh nhân tương ứng với mỗi hình.
- GV lần lượt trình chiếu từng hình ảnh:



Hình 1.....



Hình 2.....



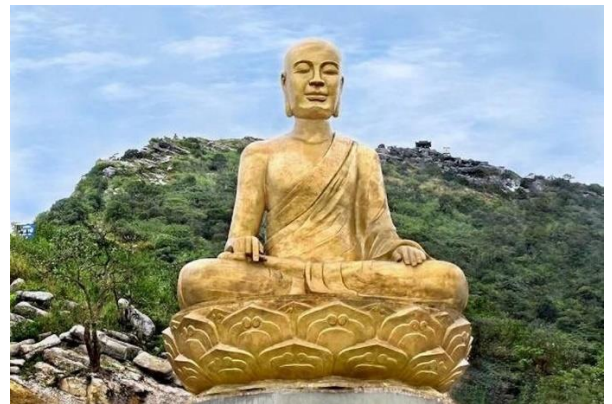
Hình 3.....



Hình 4.....



Hình 5.....



Hình 6.....



Hình 7.....



Hình 8.....



Hình 9.....



Hình 10.....



Hình 11.....



Hình 12.....

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và gọi đúng tên danh nhân tương ứng với mỗi hình.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời lần lượt 12 HS gọi đúng tên danh nhân tương ứng với mỗi hình.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

Hình 1: Đinh Bộ Lĩnh

Hình 2: Lê Thánh Tông

Hình 3: Ngô Quyền

Hình 4: Trần Quốc Tuấn

Hình 5: Võ Nguyên Giáp

Hình 6: Trần Nhân Tông

Hình 7: Nguyễn Trãi

Hình 8: Nguyễn Du

Hình 9: Hồ Xuân Hương

Hình 10: Chu Văn An

Hình 11: Tuệ Tĩnh

Hình 12: Lê Quý Đôn

- GV dẫn dắt HS vào bài học: **Nội dung thực hành chuyên đề 3 – Danh nhân trong lịch sử Việt Nam.**

B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Hoạt động 1. Lập bảng về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS trình bày được tiểu sử, đóng góp chính và sự ghi nhận của nhân dân đối với một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm, vận dụng kiến thức đã học Danh nhân trong lịch sử Việt Nam và thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam theo mẫu.*

c. Sản phẩm: Bảng về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm.

- GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm như sau: *Lập bảng về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam theo mẫu.*

Họ và tên danh nhân	Lĩnh vực	Tiểu sử	Đóng góp chính	Sự ghi nhận của nhân dân ta

+ **Nhóm 1:** Danh nhân trên lĩnh vực chính trị.

+ **Nhóm 2:** Danh nhân trên lĩnh vực quân sự.

+ **Nhóm 3:** Danh nhân trên lĩnh vực văn hóa.

+ **Nhóm 4:** Danh nhân trên lĩnh vực văn giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức về danh nhân trong lịch sử Việt Nam, thảo luận theo nhóm và hoàn thành nhiệm vụ.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 4 nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận, nêu tiểu sử, đóng góp chính và sự ghi nhận của nhân dân đối với một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam.

- GV yêu cầu các nhóm đánh giá chéo nhau phần trình bày của nhóm bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

Họ và tên danh nhân	Lĩnh vực	Tiểu sử	Đóng góp chính	Sự ghi nhận của nhân dân ta
Đinh Bộ Lĩnh (924 – 979)	Chính trị	- <i>Đinh Bộ Lĩnh</i> quê ở thôn Kim Lự, làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). - Cha của ông là Đinh Công Trứ - nha tướng của Dương Đình Nghệ, giữ chức Thứ sử Hoan Châu.	- Chấm dứt tình trạng phân tán, cát cứ để thống nhất đất nước. - Xưng đế, đặt quốc hiệu, dựng kinh đô, định niên hiệu, khẳng định nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Cồ Việt. - Xây dựng một mô hình nhà nước với thiết chế mới: quân chủ trung ương tập quyền - nhà nước quân chủ trung ương tập quyền đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. - Trở thành vị hoàng đế đầu tiên của Việt Nam sau thời kì Bắc thuộc kéo dài.	Đinh Bộ Lĩnh là hoàng đế đầu tiên của nước Đại Cồ Việt.
Lê Thánh Tông (1442 – 1497)	Chính trị	<i>Lê Thánh Tông</i> là cháu của vua Lê Thái Tổ, con thứ tư của vua Lê Thánh Tông. Ông lên ngôi năm 1460 khi 18 tuổi, đặt niên hiệu là Quang Thuận, năm 1470 đổi niên hiệu là Hồng Đức.	- Trong 38 năm trị vì, vua Lê Thánh Tông đã ban hành nhiều chính sách nhằm hoàn thiện bộ máy nhà nước, hành chính, kinh tế, giáo dục, khoa cử, luật pháp. Đại Việt dưới thời trị vì của vua Lê Thánh Tông là thời kì phát triển thịnh trị của đất nước thời quân chủ.	Lê Thánh Tông là vị vua “cải cách”.
Ngô Quyền (898 – 944)	Quân sự	- <i>Ngô Quyền</i> sinh ra trong một dòng họ có thế lực ở châu Đường Lâm. Cha là Ngô Mân, làm chức châu mục Đường Lâm. - Năm 939, sau thắng lợi trước quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng	- Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938. + Năm 938, trước ý đồ xâm lược của nhà Nam Hán, Ngô Quyền trực tiếp chỉ huy quân dân chuẩn bị tổ chức kháng chiến.	Ngô Quyền là người đặt nền móng cho nhà nước quân chủ đầu tiên ở Việt Nam.

		(938), Ngô Quyền xưng vương, lập ra nhà Ngô.	+ Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã đập tan ý đồ xâm lược của nhà Nam Hán, kết thúc hơn một nghìn năm Bắc thuộc trong lịch sử nước nhà. - Xưng vương, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.	
Trần Quốc Tuấn (1228 – 1300)	Quân sự	<i>Trần Quốc Tuấn</i> sinh tại hương Tức Mặc (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định), là con của An Sinh vương Trần Liễu.	- Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. - Nhà tư tưởng, nhà quân sự lớn: Phương châm chiến lược “dĩ đoản chế trường”, “quân cốt tinh không cốt đông” của ông là những tư tưởng quân sự đúng đắn và sáng tạo.	Trần Quốc Tuấn (Trần Hưng Đạo) là anh hùng dân tộc, nhà văn hóa vĩ đại trong lịch sử Việt Nam.
Nguyễn Huệ (1753 – 1792)	Quân sự	<i>Nguyễn Huệ</i> sinh tại thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành, huyện Hoài Nhơn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), là con trai thứ hai của Hồ Phi Phúc (Nguyễn Phi Phúc).	- Lãnh đạo phong trào Tây Sơn, lật đổ các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn. - Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm, Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.	Quang Trung Nguyễn Huệ là hoàng đế bách chiến bách thắng, lập nhiều chiến tích quân sự nhất trong lịch sử Việt Nam.
Võ Nguyên Giáp (1911 – 2013)	Quân sự	<i>Võ Nguyên Giáp</i> quê ở làng An Xá, tổng Đại Phong Lộc (nay là xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình), xuất thân trong một gia đình nhà nho truyền thống yêu nước, ông nội từng tham gia phò tá vua Hàm Nghi trong phong trào Cần Vương.	- Theo lệnh của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - là tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. + Trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975), đưa ra quyết sách đúng đắn, sáng tạo, trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch lớn.	Đại tướng Võ Nguyên Giáp, thiên tài quân sự, nhà lãnh đạo có uy tín lớn, tấm gương ngời sáng về đạo đức cách mạng.

			- Tên tuổi của ông gắn liền với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975). - Để lại nhiều tác phẩm có giá trị, tiêu biểu như <i>Đội quân giải phóng, Từ nhân dân mà ra, Điện Biên Phủ, Những năm tháng không thể nào quên,...</i>	
Trần Nhân Tông (1258 – 1308)	Văn hóa	Tên thật là Trần Khâm, là hoàng tử trưởng của vua Trần Thánh Tông. Ông trị vì từ năm 1278 đến năm 1293. Sau đó, nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông và lên làm Thái thượng hoàng.	Cuộc đời và sự nghiệp của Phật hoàng Trần Nhân gắn liền với những đóng góp to lớn cho dân tộc, cho đạo Pháp. Ông không chỉ là một bậc minh quân sáng suốt, có trách nhiệm với dân, với nước mà còn là một vị tu sĩ Phật giáo đạo cao đức trọng, hành hạnh đầu đà miên mật, tích cực phát triển nền Phật giáo nước nhà.	Trần Nhân Tông là vị vua anh hùng cứu nước, vị sư tổ của Thiền phái Trúc Lâm.
Nguyễn Trãi (1380 – 1442)	Văn hóa	- Nguyễn Trãi hiệu là Úc Trai, quê gốc ở làng Chi Ngại (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), sau dời đến thôn Nhị Khê (nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội). - Ông là con của danh sĩ Nguyễn Phi Khanh, cháu ngoại của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. - Năm 1400, Nguyễn Trãi thi đậu Thái học sinh dưới Triều Hồ.	“Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc, văn võ song toàn. Văn là chính trị: Chính trị cứu nước, cứu dân, nội trị ngoại giao, mở nền thái bình muôn thuở, rửa nỗi thẹn nghìn thu. Võ là quân sự: Chiến lược và chiến thuật, yếu đánh mạnh, ít địch nhiều... thắng hung tàn bằng đại nghĩa. Văn võ đều là võ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao”.	Nguyễn Trãi là vị anh hùng dân tộc, một nhà văn hóa kiệt xuất, nhân vật toàn tài số một của lịch sử Việt Nam thời phong kiến.
Nguyễn Du (1766- 1820)	Văn hóa	- Nguyễn Du tên chữ là Tố Như, quê ở xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.	- Nguyễn Du là đại thi hào của dân tộc với nhiều tác phẩm mang đậm chủ nghĩa nhân văn.	Nguyễn Du là Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, người đã kết

		- Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống văn chương và nghệ thuật, cha là Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm.	- Là người có tình yêu tiếng Việt sâu sắc. Những tác phẩm viết bằng chữ Nôm của Nguyễn Du góp phần quan trọng vào việc đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của Việt Nam.	hợp nhuần nhuyễn tinh hoa của ngôn ngữ bác học với tinh hoa của ngôn ngữ bình dân trong tác phẩm của mình, đưa ngôn ngữ văn học của dân tộc lên một đỉnh cao chói lọi.
Hồ Xuân Hương (1772 – 1822)	Văn hóa	- Sinh tại phường Khán Xuân (Ba Đình, Hà Nội ngày nay). Cha là Sinh đồ Hồ Phi Diễn, người hương Quỳnh Đôi (huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An). - Thuở nhỏ, Hồ Xuân Hương đã nổi tiếng thông minh, giỏi làm thơ.	Hồ Xuân Hương có đóng góp lớn cho nữ quyền, cho sự bình đẳng của phụ nữ; di sản của Hồ Xuân không chỉ là thơ ca, mà còn là hệ ứng xử-tinh thần-ý thức vì một sự tiến bộ tốt đẹp. Hồ Xuân Hương không chỉ đấu tranh, bảo vệ mà còn có ý thức cảnh báo, phê phán, chống lại, phủ định những gì ngăn cản sự tiến bộ của con người.	Hồ Xuân Hương là “Bà chúa thơ Nôm”, nữ thi sĩ đi tiên phong dùng thơ ca đòi nữ quyền và bình đẳng giới.
Chu Văn An (1292 – 1370)	Giáo dục – đào tạo	Chu Văn An tên thật là Chu An, tự là Linh Triệt, quê ở xã Quang Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	Chu Văn An đã để lại cho hậu thế rất nhiều kinh nghiệm giáo dục cho thế hệ trẻ. Những kinh nghiệm giáo dục của Chu Văn An được vận dụng mang lại nhiều ý nghĩa thiết thực qua đó khẳng định những đóng góp to lớn của ông đối với sự nghiệp giáo dục nước nhà suốt theo chiều dài lịch sử.	Chu Văn An là người thầy chuẩn mực muôn đời của Việt Nam.
Tuệ Tĩnh (1330 - ?)	Khoa học – Công nghệ	- Tuệ Tĩnh tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh, quê ở tổng Văn Thai, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng. - Năm 1351, Tuệ Tĩnh đỗ Thái học sinh nhưng không ra làm quan, tiếp tục chuyên tâm nghiên	- Xây dựng quan điểm y học độc lập, phù hợp với thực tiễn. - Trồng cây thuốc, sưu tầm kinh nghiệm chữa bệnh và truyền nghề, dạy người dân cách trồng cây thuốc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, phòng tránh bệnh tật.	Tuệ Tĩnh là đại danh y thời Trần, người đặt nền móng cho nền y học cổ truyền Việt Nam.

		cứu y học, làm thuốc chữa bệnh cứu người.	- Người mở đường cho y học cổ truyền Việt Nam.	
Lê Quý Đôn (1726 – 1784)	Giáo dục – đào tạo, Khoa học – Công nghệ	- Sinh tại làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam (nay là huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) trong gia đình khoa bảng. - Thuở nhỏ, Lê Quý Đôn là người ham học, thông minh, được người đương thời gọi là “thần đồng”. - Sau khi thi đỗ Tiến sĩ, ông được bổ nhiệm làm quan và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền Lê – Trịnh.	- Ông để lại cho đời khoảng 40 công trình khảo cứu có giá trị trên nhiều lĩnh vực, có đóng góp to lớn với nền văn hiến nước nhà. - Là người có tài đáp ứng văn chương.	Lê Quý Đôn là nhà bác học lỗi lạc của Việt Nam.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2: Câu lạc bộ “Em yêu lịch sử” tổ chức cuộc thi chủ đề “Dấu ấn danh nhân”

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS viết bài dự thi (không quá 500 chữ) về danh nhân mà mình ấn tượng.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS viết bài dự thi về danh nhân mà mình ấn tượng.

c. Sản phẩm: Bài viết về danh nhân mà HS ấn tượng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, tổ chức cuộc thi về chủ đề “Dấu ấn danh nhân”.

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Mỗi HS lựa chọn một danh nhân mà mình ấn tượng, sưu tầm tư liệu và viết bài tham gia dự thi.

- GV lưu ý HS:

+ Bài dự thi trình bày dưới dạng văn bản, kết hợp thông tin, tư liệu và hình ảnh.

+ Bài dự thi không quá 5 000 chữ.

- GV thành lập ban giám khảo (là GV bộ môn Lịch sử trong trường).

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

HS lựa chọn một danh nhân mà mình ấn tượng, sưu tầm tư liệu và viết bài tham gia dự thi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV và Câu lạc bộ lựa chọn những bài chất lượng tốt nhất trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác nhận xét đánh giá theo kỹ thuật 3 – 2 – 1.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, tổng kết và trao giải bài viết tốt.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 3: Đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về một danh nhân tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS giới thiệu được một danh nhân tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về một danh nhân tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam.

c. Sản phẩm: Bài giới thiệu về một danh nhân tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm.
- GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm: *Đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về một danh nhân tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam.*
- GV lưu ý các nhóm: Mỗi nhóm lựa chọn một danh nhân khác nhau, thuộc các lĩnh vực khác nhau để tránh trùng lặp.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

Các thành viên trong nhóm thảo luận thống nhất trong nhóm về nội dung kịch bản, hình thức trình bày.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV yêu cầu các HS khác nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi nhóm có phần trình bày tốt.
- GV cho HS tham khảo bài giới thiệu về một danh nhân trong lịch sử dân tộc:

VÕ NGUYỄN GIÁP – VỊ TƯỚNG HUYỀN THOẠI

Võ Nguyên Giáp (tên khai sinh: Võ Giáp, bí danh: Văn) sinh ngày 25-8-1911 tại làng An Xá, nay là xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, trong một gia đình nhà nho giàu truyền thống yêu nước. Ông học giỏi, sớm được cha mẹ giáo dục về lòng yêu nước, căm thù quân xâm lược. Năm 1925-1926, ông tham gia phong trào học sinh yêu nước ở Trường Quốc học Huế và tiếp thu tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc. Năm 1927, Võ Nguyên Giáp gia nhập Tân Việt Cách mạng Đảng. Năm 1929, ông cùng một số



Đại tướng Võ Nguyên Giáp

đồng chí cải tổ Tân Việt thành Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, một trong 3 tổ chức đảng hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Thời gian này, Võ Nguyên Giáp được tiếp xúc với các tài liệu tuyên truyền cách mạng và Chủ nghĩa Mác, trong đó có các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc, Bản án chế độ thực dân Pháp.

Từ 1934-1940, Võ Nguyên Giáp dạy môn lịch sử ở Trường Trung học tư thực Thăng Long, viết báo tuyên truyền xây dựng cơ sở cách mạng trong thanh niên học sinh, đồng thời tiếp tục học Đại học luật và kinh tế.

Năm 1936, ông tham gia sáng lập và viết bài bằng tiếng Việt và tiếng Pháp cho các tờ báo của Đảng: Lao động, Tiếng nói chúng ta, Tiền lên, Thời báo Cờ Giải phóng; tham gia phong trào Đông Dương Đại hội và được bầu làm chủ tịch Ủy ban báo chí Bắc Kỳ.

Năm 1941, Võ Nguyên Giáp được giao phụ trách Ủy ban Quân sự của Tổng bộ Việt Minh, tham gia chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, xây dựng căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng.

Tháng 12-1944, Võ Nguyên Giáp được Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, đội quân chủ lực đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam do Đảng

Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Ngày 22-12-1944, tại khu rừng Trần Hưng Đạo, nằm giữa hai tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, Võ Nguyên Giáp đọc Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với 34 cán bộ, chiến sĩ. Võ Nguyên Giáp được ủy nhiệm lãnh đạo chung, Hoàng Sâm làm Đội trưởng và Xích Thắng (Dương Mạc Thạch) làm Chính trị viên. Ngay sau ngày thành lập, Võ Nguyên Giáp đã trực tiếp chỉ huy trận Phai Khắt - Nà Ngần (25 và 26-12-1944), mở đầu truyền thống “đánh thắng trận đầu”, “đánh tiêu diệt gọn” của QĐND Việt Nam.

Võ Nguyên Giáp đã có những đóng góp quan trọng vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. Từ 1945-1947, Võ Nguyên Giáp đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong Chính phủ liên hiệp lâm thời, Chính phủ Liên hiệp quốc dân. Nổi bật là ngày 30-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ủy quyền cho Võ Nguyên Giáp làm Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam, sau là Tổng tư lệnh kiêm Tổng Chính ủy, Bí thư Tổng Quân ủy.

Ngày 20-1-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh phong quân hàm cấp tướng cho 11 cán bộ cao cấp của quân đội, Võ Nguyên Giáp được phong quân hàm Đại tướng. Ngày 28-5-1948, ông được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trao quân hàm Đại tướng. Từ tháng 7-1948, ông được tái bổ nhiệm là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, thay Tạ Quang Bửu. Tháng 2-1951, ông được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị.

Trong Kháng chiến chống Pháp của Việt Nam (1945-1954), Võ Nguyên Giáp là Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy các chiến dịch lớn: Chiến dịch Việt Bắc (7-10 đến 20-12-1947), Chiến dịch Biên Giới (16-9 đến 14-10-1950), Chiến dịch Trần Hưng Đạo (25-12-1950 đến 17-1-1951), Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (23-3 đến 7-4-1951), Chiến dịch Quang Trung (28-5 đến 20-6-1951), Chiến dịch Hòa Bình (10-12-1951 đến 25-2-1952), Chiến dịch Tây Bắc (14-10 đến 10-12-1952), Chiến dịch Thượng Lào (13-4 đến 3-5-1953), và đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ (13-3 đến 7-5-1954).

Trong thời kỳ này, Võ Nguyên Giáp đã kiến nghị để đưa ra những quyết sách đúng đắn và sáng tạo như: Tổ chức lại bộ đội theo hình thức đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung; thành lập đại đoàn chủ lực đầu tiên; đánh Đông Khê mà không đánh Cao Bằng trong Chiến dịch Biên Giới; mở chiến dịch đánh quân chủ lực cơ động của Pháp hành quân ra Hòa Bình, đồng thời đưa một bộ phận chủ lực ta luôn vào đánh sau lưng địch để phát triển chiến tranh du kích kiềm chế, tiêu hao tiêu diệt địch; mở Chiến dịch Tây Bắc, nơi địch sơ hở và địa hình có lợi để tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, đặc biệt là quyết định thay đổi phương châm tác chiến từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc” trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ giành thắng lợi đưa đến việc ký kết hiệp nghị Geneva. Sự chỉ đạo, chỉ huy của Đại tướng Tổng Tư lệnh đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc Kháng chiến chống Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, (1954-1975), khi quân Mỹ trực tiếp vào miền Nam, nhiều nước bạn bè khuyên Việt Nam bỏ ý định đối đầu trực tiếp với Mỹ nhưng Võ Nguyên Giáp đã khẳng định: Việt Nam sẽ thất bại nếu đánh theo kiểu chính quy của các nước lớn, nhưng người Việt Nam sẽ giành chiến thắng bằng cách đánh kiểu Việt Nam. Những kế hoạch chiến lược và phương án tác chiến của ông đã góp phần đánh bại các chiến lược của quân đội Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam và cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc.

Ngày 7-4-1975, Võ Nguyên Giáp ra mệnh lệnh cho toàn quân “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa”, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, đưa cuộc Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau khi rời vị trí lãnh đạo, quản lý cho đến những năm đầu của thế kỷ 21, Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn theo dõi cập nhật tình hình thời sự trong nước, thế giới và luôn quan tâm, kịp thời đóng góp ý kiến với Đảng, Nhà nước về những vấn đề quan trọng của quốc gia.

Người Anh cả của QĐND Việt Nam, Tổng Tư lệnh “văn võ song toàn”, “đức tài trọn vẹn”, Đại tướng của nhân dân Võ Nguyên Giáp đã từ trần hồi 18 giờ 09 phút, ngày 4-10-2013 (tức ngày 30-8 năm Quý Ty), tang lễ tổ chức theo nghi thức Quốc tang và được an táng ngày 13-10 tại Vững Chùa, đảo Yến, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Với tài thao lược về chiến lược, chiến dịch, hậu cần được kết hợp nhuần nhuyễn với chính trị và ngoại giao, Võ Nguyên Giáp là một trong những danh tướng của thế giới trong 25 thế kỷ, một trong những thiên tài quân sự lớn nhất của thế kỷ 20.

- GV kết thúc tiết học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học trong Chuyên đề 3.
- Hoàn chỉnh các nội dung trong phần thực hành Chuyên đề 3.